

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**
**VIETNAM POWER DEVELOPMENT
JOINT STOCK COMPANY**

Số: 492/VNPD-VP.HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Independence – Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN **INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi:
Respectfully to

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
Ho Chi Minh Stock Exchange

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM**

Name : VIETNAM POWER DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

- Mã chứng khoán/Stock code: VPD
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội
Main office address : 2nd Floor - CT2 - 286 Nguyen Xien, Thanh Liet Ward, Hanoi City
- Điện thoại/Tel: 024.22131580
- Fax: 024.35527987

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo thường niên năm 2025

Content of disclosure: Annual Report for 2025

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 30/03/2026 tại đường dẫn <http://www.vnpd.com.vn>.

This information was published on the Company's website on March 30, 2026 in the link <http://www.vnpd.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

We hereby certify that the information published above is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm: Báo cáo thường niên năm 2025 ngày 30/03/2026

Attached document: *Annual Report for 2025 dated March 30, 2026./.* 

Nơi nhận:

Recipient

- Như trên;
- P.TH (để đăng Web Công ty, HOSE, UBCKNN);
- Lưu: VT, VP. HĐQT.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
ORGANIZATION
REPRESENTATIVE**

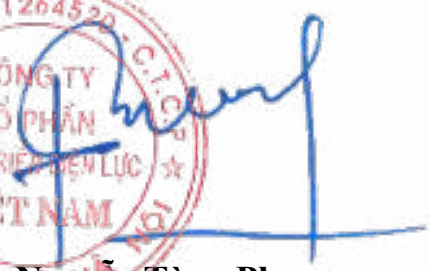
Người UQ CBTT

***Authorized Person to disclose
information***

Phó Tổng giám đốc

Deputy General Director




Nguyễn Tùng Phương



EVNDEVELOPMENT

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM



Báo cáo thường niên 2025

Công ty cổ phần
Phát triển Điện lực Việt Nam

www.vnpgd.com.vn

MỤC LỤC

4

Phần mở đầu

Thông điệp của Ban Lãnh đạo

8

Thông tin chung

- Thông tin khái quát
- Ngành nghề, địa bàn
- Mô hình quản trị, tổ chức
- Định hướng phát triển
- Các rủi ro

22

Tình hình hoạt động

- Hoạt động SXKD
- Tổ chức và nhân sự
- Đầu tư, thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông, vốn CSH

40

Báo cáo của Ban TGD

- Kết quả hoạt động SXKD
- Tình hình tài chính
- Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- Kế hoạch năm 2026

54

Đánh giá của HĐQT

- Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty
- Đánh giá về hoạt động của Ban TGD
- Các kế hoạch, định hướng

60

Quản trị Công ty

- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Giao dịch, thù lao của HĐQT, BKS, Ban TGD
- Đánh giá thực hiện các quy định về quản trị Công ty

82

Báo cáo phát triển bền vững

- Giới thiệu báo cáo
- Mục tiêu phát triển bền vững
- Đánh giá của Ban TGD
- Các chỉ tiêu phát triển bền vững

94

Báo cáo tài chính năm 2025 kiểm toán

CHƯƠNG I

PHẦN MỞ ĐẦU



THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO CÔNG TY



Kính gửi: Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam,

Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty, tôi xin gửi tới Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên lời chào trân trọng cùng những lời chúc tốt đẹp nhất. Sự tin tưởng, đồng hành và đóng góp của Quý vị trong suốt thời gian qua chính là nguồn động lực quan trọng giúp Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ("VNPD") không ngừng phát triển và khẳng định vị thế của mình trên thị trường.

Năm 2025 tiếp tục là một năm nhiều biến động đối với kinh tế toàn cầu cũng như kinh tế Việt Nam. Quá trình phục hồi sau những cú sốc kinh tế trước đó diễn ra chậm hơn kỳ vọng khi sức mua của thị trường và năng lực sản xuất của doanh nghiệp vẫn chưa thực sự ổn định. Cùng với đó, môi trường kinh tế - chính trị quốc tế tiếp tục tiềm ẩn nhiều rủi ro với các xung đột địa chính trị kéo dài, xu hướng bảo hộ thương mại gia tăng và sự biến động của thị

trường năng lượng thế giới. Trong nước, nền kinh tế còn chịu tác động từ những đợt thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, gây ảnh hưởng đến cơ sở hạ tầng và hoạt động sản xuất kinh doanh. Những yếu tố này đã tạo thêm áp lực đối với các doanh nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế đang từng bước phục hồi và thích ứng với bối cảnh mới.

Trong bối cảnh đó, với tinh thần chủ động thích ứng và nỗ lực không ngừng của tập thể Ban Lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên, VNPD đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Công ty đã hoàn thành và vượt các chỉ tiêu quan trọng được Đại hội đồng cổ đông giao. Cụ thể, sản lượng điện thương phẩm đạt 638,479 triệu kWh, tương đương 138,39% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế đạt 262,381 tỷ đồng, tương đương 179,26% kế hoạch. Những kết quả này phản ánh sự nỗ lực bền bỉ của toàn hệ thống trong việc tối ưu vận hành, nâng cao hiệu quả sản xuất và khai thác tốt các cơ hội của thị trường. Bên cạnh việc duy trì tăng trưởng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, năm 2025 cũng ghi nhận nhiều bước tiến của VNPD trong các lĩnh vực quản trị và phát triển bền vững. Công ty tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số trong quản lý và vận hành, tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, đồng thời đảm bảo nghiêm ngặt các yêu cầu về an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường. Song song với đó, VNPD luôn chú trọng thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thông qua các hoạt động an sinh cộng đồng, góp phần lan tỏa các giá trị tích

cực và nâng cao hình ảnh, uy tín của Công ty. Những kết quả đạt được trong năm qua là minh chứng cho sự đồng lòng của tập thể người lao động VNPD cùng với sự tin tưởng, ủng hộ của Quý Cổ đông và Đối tác. Ban Lãnh đạo Công ty xin bày tỏ lời cảm ơn chân thành tới Quý vị đã luôn sát cánh, chia sẻ và đồng hành cùng Công ty trong suốt chặng đường phát triển.

Bước sang giai đoạn tiếp theo, Ban Lãnh đạo VNPD cam kết tiếp tục phát huy tinh thần trách nhiệm, nâng cao hiệu quả quản trị và vận hành, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, gia tăng giá trị cho cổ đông và đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của ngành điện cũng như nền kinh tế.

Kính chúc Quý Cổ đông, Quý Đối tác và toàn thể Cán bộ công nhân viên sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

**Thay mặt Ban Lãnh đạo Công ty
Tổng giám đốc**



CHƯƠNG II

THÔNG TIN CHUNG



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên Tiếng Việt	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam		
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số	Mã số doanh nghiệp: 0101264520 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0103001110 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03/6/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 số 0101264520 ngày 25/8/2025		
Vốn điều lệ	1.065.896.290.000 đồng	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.065.896.290.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam		
Điện thoại	024.22131580	Fax	024.35527987
Mã cổ phiếu	VPD	Website	http://www.vnpd.com.vn

NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh chính	Sản xuất điện (trừ xây dựng, vận hành thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội)
Địa bàn kinh doanh	Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đang quản lý 03 nhà máy và 01 Trung tâm tư vấn thiết kế, cụ thể như sau: - Trụ sở văn phòng: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. - Các chi nhánh: - Nhà máy Thủy điện Nậm Má tại xã Cao Bồ, tỉnh Tuyên Quang. - Nhà máy Thủy điện Bắc Bình tại thôn Suối Nhuôm, xã Sông Lũy, tỉnh Lâm Đồng. - Nhà máy Thủy điện Khe Bó tại xã Tam Quang, tỉnh Nghệ An. - Trung tâm tư vấn thiết kế: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.



Chặng đường hình thành và phát triển

2002

Công ty được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu với 5 cổ đông sáng lập gồm (i) Tổng Công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam); (ii) Tổng Công ty xây dựng số 1- Bộ Xây dựng (nay là Công ty cổ phần Miền Đông); (iii) Công đoàn Điện lực Việt Nam; (iv) Công ty sản xuất Thiết bị điện (nay là Tổng Công ty Thiết bị điện Đông Anh-Công ty cổ phần); (v) Công ty Tư vấn Xây dựng điện 2 (nay là Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2). Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty là: Sản xuất, bán điện. Vốn điều lệ đăng ký là 13,7 tỷ đồng

2003

Công ty nhận chuyển nhượng Nhà máy thủy điện Nậm Má (nằm trên địa bàn xã Cao Bồ, huyện Vị Xuyên, tỉnh Hà Giang) từ Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang theo Quyết định số 627/QĐ – UB ngày 04/3/2003. Nhà máy có công suất 3,2 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 1,6 MW)

2004

Công ty khởi công xây dựng dự án Nhà máy thủy điện Bắc Bình có công suất 33 MW gồm 02 tổ máy (mỗi tổ có công suất 16,5 MW). Đây là dự án nhóm B và được Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận cho phép đầu tư tại văn bản số 4260/UBBT – XD/CB ngày 05/12/2003. Nhà máy bắt đầu phát điện từ ngày 27/10/2009

2025

Trong năm 2025, Công ty đã đạt được các Danh hiệu, giải thưởng:

- Tập thể lao động tiên tiến (Quyết định số 648/QĐ-EVNGENCO1 ngày 30/12/2025 của Tổng công ty Phát điện 1);
- Giấy khen của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (Quyết định số 10/QĐ - EVN ngày 04/01/2026 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

2017

Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định Niêm yết số 482/QĐ-SGDHCM cho phép Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

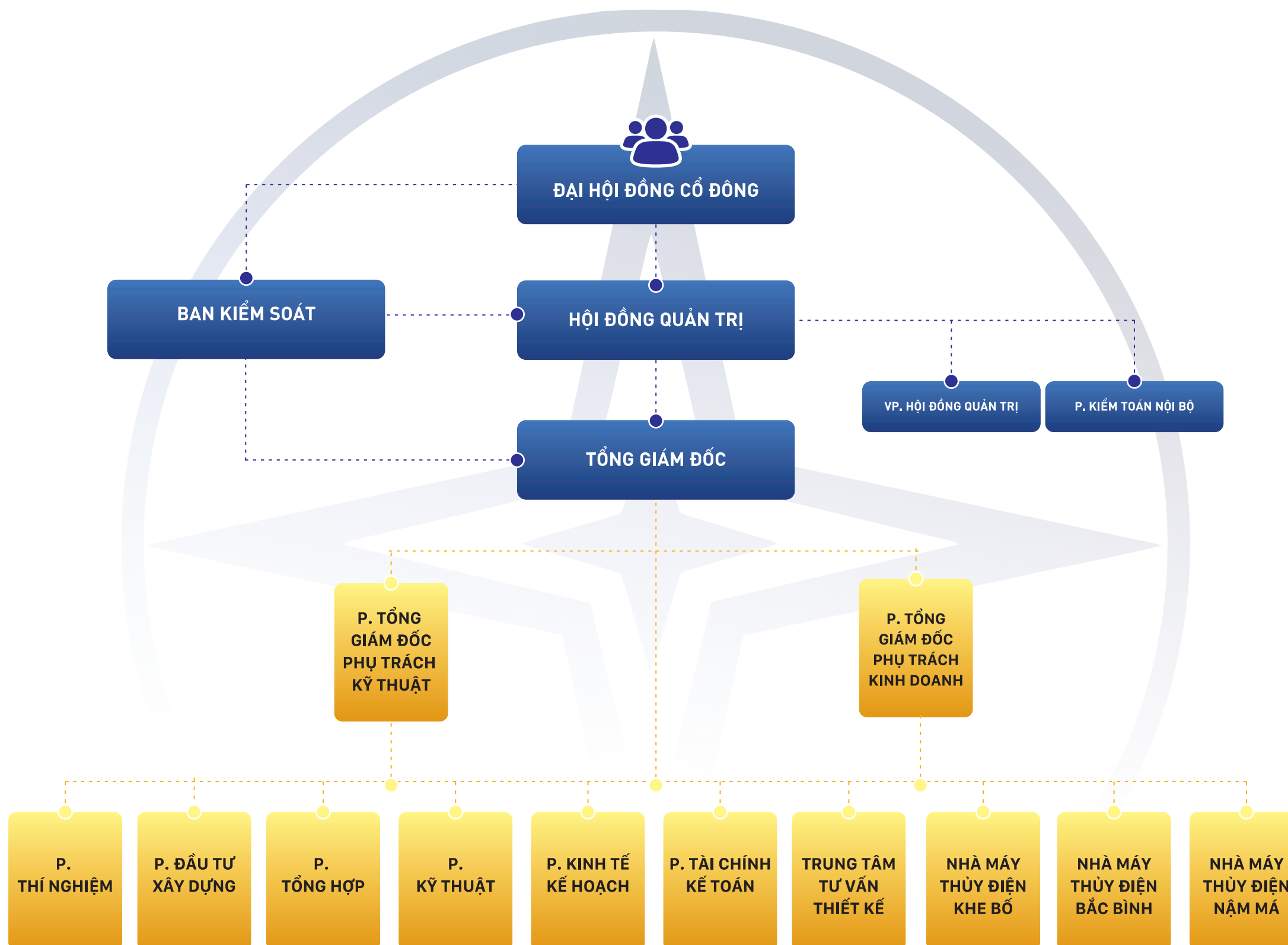
2009

Công ty thành lập Trung tâm tư vấn thiết kế trực thuộc Công ty theo Quyết định số 09/QĐ-VPND-HĐQT. Trung tâm có chức năng nhiệm vụ chính là tư vấn thiết kế các hạng mục công trình do Công ty làm chủ đầu tư, tư vấn cho các đơn vị ngoài với mục đích tạo công ăn việc làm cho CBCNV và tìm kiếm thêm nguồn thu về cho Công ty

2007

Công ty khởi công dự án Nhà máy thủy điện Khe Bó tại huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An, công suất 100 MW, gồm 2 tổ máy (mỗi tổ máy có công suất 50 MW). Đây là dự án nhóm A và được Chính phủ cho phép đầu tư tại văn bản số 1793/TTg – CN ngày 07/11/2006, trong công văn có nêu “Dự án được thực hiện theo Điều 4 Quyết định số 1195/QĐ-TTg ngày 09/11/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định một số cơ chế, chính sách đặc thù để đầu tư xây dựng các công trình điện cấp bách trong giai đoạn 2006 - 2010”. Tổ máy số 1 phát điện từ ngày 08/5/2013, Tổ máy số 2 phát điện từ ngày 24/8/2013

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



Mô hình quản trị

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần, đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông, Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị. Ban điều hành đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng.

Công ty con, liên kết

Công ty không có Công ty con, Công ty liên kết

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

- Đảm bảo sản xuất điện an toàn, ổn định và hiệu quả hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh được ĐHĐCĐ giao hằng năm;
- Nâng cao hiệu quả quản lý vận hành các nhà máy điện, đảm bảo các tổ máy vận hành an toàn, tin cậy, tuân thủ quy định về vận hành hồ chứa và tham gia thị trường điện có hiệu quả, góp phần tối ưu hóa doanh thu và hiệu quả sản xuất kinh doanh;
- Thực hiện công tác sửa chữa, bảo dưỡng và quản lý kỹ thuật các tổ máy đúng kế hoạch, nâng cao độ tin cậy thiết bị, tối ưu hiệu suất vận hành và kéo dài tuổi thọ công trình, góp phần giảm thiểu rủi ro kỹ thuật và chi phí vận hành;
- Đảm bảo an toàn tài chính và phát triển bền vững, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, kiểm soát hợp lý cơ cấu nguồn vốn và đảm bảo cân đối dòng tiền phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển;
- Đẩy mạnh hoạt động đầu tư phát triển nguồn điện, từng bước đa dạng hóa các loại hình nguồn điện thông qua đầu tư mới, mua cổ phần hoặc hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực điện lực, phù hợp với định hướng phát triển của ngành điện và chiến lược phát triển dài hạn của Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Bộ Công Thương hiện đã đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử Quyết định 1509/QĐ-BCT ngày 30/5/2025 về việc phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 điều chỉnh.

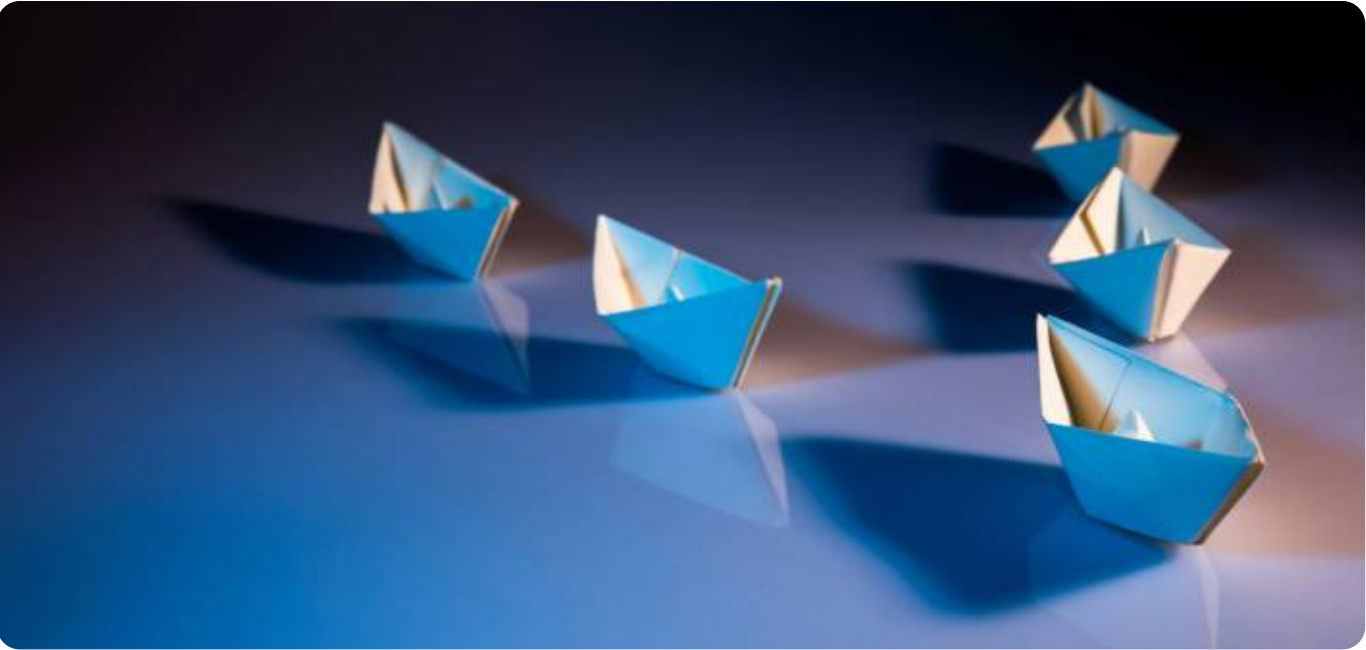
Chương trình phát triển nguồn điện: Tới năm 2030: Tổng công suất nhiệt điện LNG là 22.524 MW; tổng công suất nhiệt điện khí trong nước là 14.930 MW; tổng công suất nhiệt điện than là 31.055 MW; tổng công suất nguồn điện đồng phát, nguồn điện sử dụng nhiệt dư, khí lò cao, sản phẩm phụ của dây chuyền công nghệ là 1.404 MW; tổng công suất thủy điện là 33.294 - 34.667 MW; tổng công suất thủy điện tích năng là 2.400 - 6.000 MW; tổng công suất điện hạt nhân là 4.000 - 6.400 MW; năm 2030, tổng công suất điện gió ngoài khơi phục vụ nhu cầu điện trong nước là 6.000 MW; tổng công suất điện mặt trời (gồm điện mặt trời tập trung và điện mặt trời mái nhà, không bao gồm các nguồn điện mặt trời theo khoản 5 Điều 10 Luật Điện lực số 61/2024/QH15) là 46.459 - 73.416 MW; tổng công suất điện sinh khối là 1.523 - 2.699 MW; tổng công suất điện sản xuất từ rác, chất thải rắn là 1.441 - 2.137 MW

Bên cạnh các định hướng tại Quy hoạch điện VIII, việc phát triển ngành năng lượng nói chung và lĩnh vực điện lực nói riêng còn được thực hiện phù hợp với các chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Theo Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, phát triển năng lượng phải đi trước một bước, bảo đảm cung cấp năng lượng đầy đủ, ổn định, chất lượng cao, đồng thời ưu tiên phát triển mạnh mẽ các nguồn năng lượng tái tạo, năng lượng sạch và đa dạng hóa nguồn cung năng lượng, góp phần đáp ứng yêu cầu tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của đất nước.

Trên cơ sở đó, chiến lược phát triển của Công ty được xây dựng theo hướng phù hợp với định hướng chuyển

dịch cơ cấu năng lượng quốc gia, tăng tỷ trọng nguồn điện sạch, thân thiện môi trường, đồng thời phát huy hiệu quả các nguồn điện hiện hữu và từng bước mở rộng đầu tư vào các loại hình nguồn điện có lợi thế, phù hợp với định hướng phát triển của ngành điện và nhu cầu thị trường điện trong từng giai đoạn. Công ty từng bước đầu tư đa dạng hóa sở hữu các loại hình nguồn điện. Nghiên cứu đầu tư các dự án thủy điện (khu vực miền Bắc), điện mặt trời, điện gió, điện sinh khối; mua cổ phần/sáp nhập doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh điện khác. Cụ thể:

- Giai đoạn 2026-2030: Tập trung nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động đầu tư đưa vào khai thác, vận hành nhà máy điện mới với tổng công suất 30 MW-50MW; nghiên cứu chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 100MW.
- Giai đoạn 2030-2040: Đưa vào khai thác, vận hành nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 150MW; nghiên cứu chuẩn bị đầu tư dự án nhà máy điện mới với tổng công suất khoảng 200MW. Mua cổ phần/sáp nhập doanh nghiệp sản xuất kinh doanh điện khác để gia tăng công suất phát điện sở hữu khoảng 50MW-100 MW.



Các mục tiêu phát triển bền vững

Trong quá trình sản xuất kinh doanh, các Nhà máy thủy điện Khe Bố, Bắc Bình và Nậm Má do Công ty quản lý đều thực hiện đúng các quy định của báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hằng năm các nhà máy thực hiện quan trắc giám sát chất lượng nước, môi trường không khí môi trường lao động đầy đủ.

Bên cạnh các hoạt động sản xuất, kinh doanh, Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường: Nộp thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng, nộp tiền trồng rừng, luôn đóng góp tích cực cho các hoạt động ủng hộ, hỗ trợ, an sinh xã hội, đền ơn đáp nghĩa.

Ngoài ra, Công ty xác định mục tiêu thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh, từng bước tham gia thị trường tín chỉ carbon, xây dựng văn hóa doanh nghiệp đặc trưng và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng yêu cầu mở rộng quy mô và nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty.

CÁC RỦI RO



Rủi ro kinh tế

Môi trường kinh tế vĩ mô với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, lãi suất và chính sách tiền tệ có tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Đối với Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam, hoạt động cốt lõi trong lĩnh vực đầu tư và phát triển nguồn điện khiến Công ty đặc biệt nhạy cảm trước những biến động của nền kinh tế.

Trong bối cảnh nền kinh tế tăng trưởng tích cực, cùng với các chính sách thu hút đầu tư của Việt Nam, nhu cầu tiêu thụ điện – đặc biệt tại các khu công nghiệp và khu chế xuất – có xu hướng gia tăng, qua đó tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động vận hành và mở rộng quy mô sản xuất điện. Ngược lại, khi kinh tế suy giảm, dòng vốn đầu tư chững lại, hoạt động sản xuất công nghiệp thu hẹp sẽ dẫn đến nhu cầu điện năng giảm sút, từ đó ảnh hưởng đến sản lượng phát điện, doanh thu và kế hoạch phát triển dự án của Công ty.

Trước những yếu tố bất định của môi trường kinh tế, VNPD xác định việc theo dõi sát diễn biến vĩ mô, xây dựng các kịch bản vận hành linh hoạt và quản trị rủi ro tài chính thận trọng là những giải pháp trọng tâm nhằm duy trì hoạt động ổn định và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn.



Rủi ro pháp lý

VNPD là pháp nhân được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo mô hình Công ty cổ phần. Với đặc thù hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và phát triển nguồn điện, Công ty chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật chuyên ngành, bao gồm Luật Doanh nghiệp, Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Đầu tư cùng các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn thi hành. Đồng thời, với tư cách là công ty đại chúng, VNPD còn chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật có liên quan.

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng và môi trường kinh doanh liên tục thay đổi, hệ thống pháp luật Việt Nam thường xuyên được sửa đổi, bổ sung theo hướng hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình này vừa tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, vừa đặt ra yêu cầu ngày càng cao về năng lực quản trị, minh bạch thông tin và chấp hành pháp luật.

Việc chậm cập nhật hoặc triển khai không kịp thời các quy định pháp luật mới có thể ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án, làm gia tăng chi phí tuân thủ và tác động đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Nhận thức rõ các rủi ro này, Ban Lãnh đạo và các đơn vị chuyên môn của VNPD thường xuyên theo dõi, cập nhật quy định pháp luật; đồng thời rà soát, hoàn thiện hệ thống quy chế nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư và quản trị doanh nghiệp được thực hiện đúng quy định, qua đó hạn chế rủi ro và nâng cao tính bền vững.



Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là một trong những rủi ro tài chính phổ biến mà các doanh nghiệp, ngân hàng và tổ chức tài chính phải đối mặt, do có thể ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí, lợi nhuận và giá trị tài sản.

Đối với VNPD, rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản vay phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng, trong bối cảnh đặc thù ngành điện đòi hỏi nhu cầu vốn lớn và thời gian thu hồi vốn dài. Biến động lãi suất trên thị trường có thể làm gia tăng chi phí tài chính, qua đó ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời của Công ty.

Nhận thức được các rủi ro này, VNPD thường xuyên theo dõi sát diễn biến lãi suất trên thị trường, chủ động cân đối cơ cấu nguồn vốn, kiểm soát tỷ lệ vay nợ ở mức hợp lý và xây dựng kế hoạch vay vốn phù hợp với từng giai đoạn. Đồng thời, Công ty tăng cường quản trị dòng tiền và áp dụng các giải pháp tài chính linh hoạt nhằm đảm bảo nhu cầu vốn hoạt động, qua đó kiểm soát và hạn chế tối đa tác động bất lợi từ biến động lãi suất.



Rủi ro bất khả kháng

Bên cạnh các rủi ro kinh tế, tài chính và pháp lý, Công ty còn phải đối mặt với những rủi ro bất khả kháng phát sinh từ yếu tố tự nhiên như thiên tai, bão lũ, hạn hán, động đất hoặc các sự kiện khách quan ngoài tầm kiểm soát. Đặc thù hoạt động trong lĩnh vực thủy điện khiến Công ty chịu tác động trực tiếp từ điều kiện thủy văn và biến đổi khí hậu.

Trong trường hợp xảy ra thiên tai nghiêm trọng, Công ty có thể chịu thiệt hại về tài sản, cơ sở hạ tầng, gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh và tiềm ẩn rủi ro về an toàn con người. Đặc biệt, hoạt động điều tiết và xả lũ nếu không được thực hiện đồng bộ, kịp thời theo quy định có thể ảnh hưởng đến đời sống và hoạt động sản xuất của người dân khu vực hạ du, gây ra thiệt hại kinh tế đáng kể. Trong trường hợp phát sinh tranh chấp hoặc khiếu kiện, doanh nghiệp có thể phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường theo quy định pháp luật, từ đó ảnh hưởng đến tình hình tài chính và uy tín của Công ty.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hồ chứa, phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong công tác phòng, chống thiên tai; đồng thời xây dựng phương án ứng phó khẩn cấp, mua bảo hiểm tài sản và tăng cường công tác truyền thông, cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại có thể phát sinh.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH

Rủi ro môi trường, thời tiết

Đối với VNPD, sản xuất kinh doanh chủ yếu hiện tại là nhà máy thủy điện, do đó diễn biến thời tiết ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD của Công ty. Đây là một rủi ro đặc thù đối với các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thủy điện nói chung và VNPD nói riêng. Lượng mưa là một trong những nhân tố chính ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Trước sự biến đổi khí hậu, công việc dự báo thời tiết trở nên khó khăn hơn, từ đó ảnh hưởng việc dự báo và kế hoạch lợi nhuận của các công ty thủy điện. Với vị trí địa lý nằm ở khu vực nhiệt đới gió mùa ẩm, lượng mưa hàng năm lớn, Việt Nam có yếu tố thuận lợi để

phát triển thủy điện; tuy nhiên những khó khăn trong việc dự báo thời tiết dẫn đến một rủi ro đặc thù của ngành này đó là việc đánh giá sai nguồn nước của các hồ thủy điện; việc đánh giá sai này có thể dẫn tới việc các hồ trong tình trạng mực nước xuống thấp thậm chí cạn kiệt khi mùa khô kéo dài, nhưng khi xảy ra mưa lũ mực nước dâng cao nhanh chóng vượt quá mực nước dâng bình thường của các đập thủy điện dẫn đến việc phải tiến hành xả lũ.

Bên cạnh đó, Nhà máy Thủy điện Khe bố là nhà máy lớn nhất của Công ty, tuy nhiên hồ chứa của nhà máy chỉ điều tiết được dưới 2 ngày, do đó việc phát điện không được chủ động, đặc biệt khi tham gia thị trường phát điện cạnh tranh. Hơn nữa, việc vận hành còn phụ thuộc vào lệnh điều độ từ Công ty TNHH MTV vận hành hệ thống điện và thị trường điện quốc gia (NSMO).

Rủi ro về điều chỉnh giá bán điện

Giá bán điện của nhà máy thủy điện Khe Bố, Bắc Bình đang được thực hiện theo các hợp đồng mua bán điện đã ký kết với EVN. Đối với Nhà máy thủy điện Nậm Má, Công ty đang tiếp tục làm việc với EVNNPC để hoàn thiện và ký kết Hợp đồng mua bán điện mới; trong thời gian chờ ký kết, giá bán điện của Nhà máy được tạm tính.

Do đó giá bán điện đối với Nhà máy thủy điện Khe Bố và Bắc Bình chỉ thay đổi khi tham gia thị trường điện. Đối với Nhà máy thủy điện Nậm Má, giá bán điện sẽ thay đổi so với giá bán điện đang tạm tính (khi Công ty ký được hợp đồng mới với EVNNPC).

Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế

Hiện nay trên thế giới, các nhà khoa học đã tìm ra rất nhiều nguồn năng lượng thay thế mới như năng lượng mặt trời, năng lượng gió, năng lượng hạt nhân, thậm chí cả những nguồn năng lượng từ các loại khí. Tuy nhiên, thủy điện vẫn giữ vai trò cực kỳ quan trọng đặc biệt là tại Việt Nam. Lợi ích lớn nhất của thủy điện là hạn chế được giá thành nhiên liệu. Ngoài ra, các nhà máy thủy điện cũng có tuổi thọ lớn hơn các nhà máy nhiệt điện và chi phí nhân công thấp hơn. Trước tình hình kinh tế và tiến bộ khoa học công nghệ còn nhiều hạn chế, lợi dụng ưu thế về vị trí địa lý và thiên nhiên của mình, Việt Nam vẫn đang là quốc gia chú trọng thủy điện – cộng hưởng phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường. Do đó, VNPD với định hướng phát triển đúng đắn và đội ngũ nhiều kinh nghiệm của mình cũng đang nỗ lực để trở thành một trong những công ty hàng đầu trong ngành công nghiệp sản xuất điện năng tại thị trường Việt Nam.



CHƯƠNG III

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu năm 2025 so với kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao tại Nghị quyết số 08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025 và được Hội đồng Quản trị Công ty duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 14/QĐ-HĐQT ngày 09/10/2025 như sau:

STT	Nội dung KH	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2025		TH 2025	TH 2024	Tỷ lệ (%)		
			NQ 08	QĐ 14			NQ 08	QĐ 14	TH 2024
1	Sản lượng điện thương phẩm	Tr kWh	461,379	578,701	638,479	520,325	138,39	110,33	122,71
1.1	Thủy điện Nậm Má	Tr kWh	13,500	13,958	14,800	15,456	109,63	106,03	95,76
1.2	Thủy điện Bắc Bình	Tr kWh	82,310	95,979	117,541	96,460	142,80	122,47	121,85
1.3	Thủy điện Khe Bó	Tr kWh	365,569	468,764	506,139	408,408	138,45	107,97	123,93
2	Đầu tư xây dựng	Tr đồng	90.794,526	44.003,521	38.651,320	5.788,77	42,57	87,84	667,70
3	Doanh thu	Tr đồng	516.002,690	643.323,910	702.000,795	595.961,65	136,05	109,12	117,79
4	Chi phí	Tr đồng	332.973,910	350.997,157	372.224,274	330.136,79	111,79	106,05	112,75
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr đồng	146.365,666	233.418,207	262.381,151	212.228,18	179,26	112,41	123,63

Với kết quả như trên, năm 2025 Công ty đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu về sản lượng điện, doanh thu, lợi nhuận được giao, không hoàn thành kế hoạch đầu tư xây dựng; chi phí thực hiện cao hơn kế hoạch do sản lượng thực hiện tăng dẫn đến chi phí Thuế tài nguyên nước, Phí môi trường rừng (tính theo sản lượng) tăng. Cụ thể như sau:

Lợi nhuận và cổ tức

- Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế Công ty thực hiện năm 2025 là 262.381,151 triệu đồng, đạt 179,26% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao, 112,41% so với kế hoạch Hội đồng quản trị duyệt điều chỉnh.

- Cổ tức:

Căn cứ kết quả thực hiện như trên, sau khi trích lập các Quỹ và cân đối vốn, cân đối dòng tiền dài hạn, VNPD dự kiến mức thực hiện cổ tức năm 2025 với tỷ lệ là 14% bằng tiền, đạt 100% kế hoạch được giao.

Công tác sản xuất điện

Các Nhà máy Thủy điện (NMTĐ) Khe Bó, Bắc Bình, Nậm Má vận hành an toàn, tuân thủ nghiêm theo điều độ của Công ty TNHH MTV Vận hành hệ thống điện và Thị trường điện quốc gia và Công ty Điện lực Hà Giang (nay là Công ty Điện lực Tuyên Quang).

Tình hình thủy văn thuận lợi hơn kế hoạch (Lưu lượng trung bình năm 2025 NMTĐ Bắc Bình đạt 24,511 m³/s, tương ứng tần suất 25,30%/kế hoạch năm 2025 là 15,953 m³/s tương ứng tần suất 65%; NMTĐ Khe Bó đạt 442,37 m³/s, tương ứng tần suất 4,94%/kế hoạch năm 2025 là 203,21 m³/s tương ứng tần suất 65%).

Các Nhà máy Thủy điện do Công ty quản lý vận hành an toàn, tuân thủ quy trình hồ chứa và phối hợp hiệu quả với các bậc thang, góp phần bảo đảm cung ứng điện và hoàn thành nhiệm vụ điều độ. Tuy nhiên, trong các tháng 7-9/2025 đã xảy ra lũ lớn trên lưu vực sông Cả; trong đó cơn bão số 3 (Wipha) gây lũ đặc biệt lớn (Qmax 7.400 m³/s, tần suất <1%), ảnh hưởng khu vực hạ du NMTĐ Khe Bó, làm gián đoạn phát điện và gây sạt đường T3-2 và khu vực bờ trái. Công ty đã phối hợp với địa phương để khẩn trương khắc phục các thiệt hại sau bão lũ, duy trì vận hành và phát điện ổn định.

Doanh thu

Tổng doanh thu thực hiện năm 2025 là 702.000,795 triệu đồng, đạt 136,05% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, đạt 109,12% so với kế hoạch điều chỉnh, tăng 17,79% so với năm 2024 (do sản lượng điện thương phẩm tăng) với các nội dung như sau:

- Doanh thu sản xuất điện là 695.687,610 triệu đồng.

Đối với doanh thu nhà máy thủy điện Nậm Má: Trong năm 2025 Công ty và EVNNPC chưa ký kết được hợp đồng mua bán điện. Công ty tạm ghi nhận giá bán điện theo biểu giá chi phí tránh được. Để ghi nhận chi phí sát với giá trị doanh thu khi VNPD và EVNNPC thống nhất, Công ty dự kiến tạm tính toán khấu trừ giá trị phần doanh thu giảm giữa giá trị doanh thu đã tạm ghi nhận và doanh thu tính toán theo giá bán điện 493,58 đồng/kWh . Phần chi phí này sẽ được Công ty thực hiện điều chỉnh theo quy định khi có kết quả đàm phán cụ thể.

- Doanh thu, thu nhập khác 6.313,185 triệu đồng.

Chi phí

Năm 2025, tổng chi phí toàn Công ty thực hiện là 372.224,274 triệu đồng, tương đương 111,79% so với kế hoạch ĐHĐCĐ giao, 106,05% so với kế hoạch Hội đồng quản trị duyệt điều chỉnh. Chi phí thực hiện cao hơn kế hoạch do sản lượng điện thực hiện tăng dẫn đến các chi phí biến đổi theo sản lượng (thuế tài nguyên nước, phí môi trường rừng...) tăng theo.

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ông NGUYỄN ANH TUẤN



- **Chức vụ:** Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc
- **Năm sinh:** 18/7/1982
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư - **Chuyên ngành:** Xây dựng Cảng - Đường thủy
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 03/2006 đến 06/2009: Phó Phòng thiết kế - Công ty Tư vấn đầu tư và Thương mại – Tập đoàn Vinashin
 - » Từ 07/2009 đến 12/2010: Kỹ sư phòng thiết kế - Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Việt Hà
 - » Từ 01/2011 đến 12/2013: Kỹ sư phòng Dự án nguồn – CTCP Tư vấn xây dựng Điện 3
 - » Từ 07/2014 đến 03/2019: Chuyên viên Ban Quản lý đấu thầu – Tổng công ty Phát điện 1
 - » Từ 04/2019 đến 06/2020: Phó Trưởng Ban, phụ trách Ban Quản lý đấu thầu – Tổng công ty Phát điện 1
 - » Từ 07/2020 đến 04/2025: Trưởng ban Quản lý đấu thầu – Tổng công ty Phát điện 1
 - » Từ 25/04/2025 đến nay: Thành viên HĐQT - Tổng giám đốc CTCP Phát triển Điện lực Việt Nam
- **Số cổ phần đại diện sở hữu: Đại diện sở hữu cho Tổng công ty Phát điện 1: 15.624.894 cổ phần, chiếm 14,659% Vốn Điều lệ**
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ

Ông PHẠM ĐÌNH LÊ



- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật
- **Năm sinh:** 13/01/1978
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Kỹ sư địa chất công trình, kỹ sư hệ thống điện
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 01/10/2000 đến 01/9/2002: Viện Khoa học Công nghệ Việt Nam
 - » Từ 01/9/2002 đến 19/11/2002: Công ty Xây dựng nền móng JIKON
 - » Từ 19/11/2002 đến 28/02/2007: Ban Quản lý dự án Thủy điện 1-EVN
 - » Từ 01/3/2007 đến 21/02/2008: Phó Giám đốc các Trung tâm IPC, BIM, GMEC- Công ty CP phát triển Đầu tư HAFICO GROUP
 - » Từ 22/02/2008 đến 31/03/2008: Chuyên viên Phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
 - » Từ 01/4/2008 đến 30/10/2013: Phó P.Kỹ thuật- Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - » Từ 31/10/2013 đến 07/07/2014: Trưởng phòng Kỹ thuật - Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - » Từ 08/7/2014 đến nay: Phó Tổng giám đốc- Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 213 cổ phần, chiếm 0,0002% vốn Điều lệ

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách Ban điều hành

Ông NGUYỄN TÙNG PHƯƠNG

- **Chức vụ:** Phó Tổng giám đốc Kinh doanh
- **Năm sinh:** 01/3/1977
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 9/1999 đến 10/2002: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLCBĐT Dự án nhà máy thủy điện Sơn La.
 - » Từ 11/2002 đến 02/2006: Nhân viên phòng Tài chính kế toán Ban QLDATE I.
 - » Từ 3/2006 đến 4/2008: Phó phòng Tài chính kế toán Ban QLDA thủy điện I.
 - » Từ 5/2008 đến 7/2008: Cán bộ P. Tài chính Kế toán Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
 - » Từ 8/2008 đến 12/2013: Phó phụ trách phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

- » Từ 01/2014 đến 7/2014: Trưởng phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- » Từ 6/2017 đến 11/11/2020: Thành viên HĐQT; Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- » Từ 12/11/2020 đến 31/12/2022: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- » Từ 01/01/2023 đến nay: Phó Tổng giám đốc (Công ty), Công ty cổ phần Phát triển điện lực Việt Nam

- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% vốn Điều lệ



Bà BÙI THỊ THU TRANG

- **Chức vụ:** Kế toán trưởng
- **Năm sinh:** 18/2/1990
- **Quốc tịch:** Việt Nam
- **Trình độ chuyên môn:** Thạc sĩ Kế toán
- **Quá trình công tác:**
 - » Từ 16/06/2013 đến 31/12/2022: Chuyên viên, Tổng công ty Phát điện 1.

- » Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023: Trưởng phòng Tài chính Kế toán Công ty, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.
- » Từ 01/01/2024 đến nay: Kế Toán trưởng, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam.

- **Số cổ phần đại diện sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ
- **Số cổ phần cá nhân sở hữu:** 0 cổ phần, chiếm 0% Vốn Điều lệ



Những thay đổi trong ban điều hành

- Ngày 01/04/2025: Miễn nhiệm ông Ngô Quốc Huy – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty
- Ngày 25/04/2025: Miễn nhiệm ông Ngô Quốc Huy – Chức vụ: Thành viên HĐQT
- Ngày 25/04/2025: Bổ nhiệm ông Nguyễn Anh Tuấn – Chức vụ: Thành viên HĐQT- Tổng giám đốc Công ty



STT	Đơn vị	Tổng cộng	Trong đó chia theo trình độ đào tạo					Trong đó		
			Thạc sỹ	Đại học	Cao đẳng, trung cấp	Công nhân kỹ thuật	Lái xe	Khác	Lao động khoán	Lao động nữ
1	Người quản lý chuyên trách	6	2	4	0	0	0	0	0	1
2	Văn phòng Công ty	44	9	30	0	0	3	2	1	21
3	Nhà máy thủy điện Nậm Má	11	0	7	2	2	0	0	0	2
4	Nhà máy thủy điện Khe Bó	36	1	17	5	11	2	0	0	6
5	Nhà máy thủy điện Bắc Bình	29	0	17	3	6	3	0	1	7
Tổng cộng		126	12	75	10	19	8	2	2	37

Số lượng cán bộ, nhân viên

Số lượng người lao động trong Công ty (bao gồm HĐQT, BKS, BDH chuyên trách): Tại thời điểm tháng 12/2025 là 126 người, trong đó:

Chính sách liên quan đến người lao động

Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh điện – ngành nghề tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro – Công ty luôn xác định an toàn, vệ sinh lao động là nguyên tắc cốt lõi trong quản trị và vận hành. Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về lao động và an toàn, vệ sinh lao động; đồng thời chủ động xây dựng hệ thống quy chế quản lý nội bộ nhằm kiểm soát rủi ro, bảo vệ sức khỏe người lao động và duy trì môi trường làm việc an toàn, ổn định tại các nhà máy và đơn vị trực thuộc. Các chương trình huấn luyện, đào tạo an toàn được tổ chức định kỳ, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ và năng lực xử lý tình huống của cán bộ, công nhân viên.

Công ty thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi theo nguyên tắc công bằng, minh bạch, gắn với hiệu quả công việc và kết

quả sản xuất kinh doanh. Cơ chế khen thưởng được triển khai kịp thời đối với các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc hoặc sáng kiến cải tiến kỹ thuật; đồng thời, kỷ luật lao động được thực hiện nghiêm túc theo nội quy lao động và quy định của pháp luật nhằm bảo đảm tính chuyên nghiệp và hiệu quả hoạt động.

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt đối với sự phát triển bền vững, Công ty chú trọng đầu tư cho công tác đào tạo và phát triển. Nhân sự mới được hướng dẫn, hỗ trợ để nhanh chóng hòa nhập môi trường làm việc; đội ngũ chuyên môn được tạo điều kiện tham gia các chương trình đào tạo nâng cao nghiệp vụ và kỹ năng quản lý. Chính sách phát triển nhân sự được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh và bảo đảm sự phát triển ổn định, lâu dài của Công ty.

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Triển khai thực hiện 6/6 dự án được duyệt với giá trị thực hiện là 18.875,430 triệu đồng, đạt 34,24% kế hoạch ĐHĐCĐ giao, đạt 95,04% kế hoạch điều chỉnh. Trong đó:

Các dự án

Nước sinh hoạt Nhà máy thủy điện Khe Bố; Xử lý gia cố hạ lưu bờ trái Nhà máy thủy điện Khe Bố; Nhà quản lý vận hành thủy điện Nậm Má: Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng.

Dự án Nhà quản lý vận hành bổ sung thủy điện Khe Bố

Đang tiếp tục thi công, theo kế hoạch dự án hoàn thành trong năm 2026.

Dự án Nâng cấp, cải tạo tổng thể thủy điện Nậm Má

Dừng không thực hiện (theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT ngày 10/7/2025 của Hội đồng Quản trị) chuyển sang phương án xây dựng nhà máy mới.

Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố

Tình hình thực hiện:

Đã hoàn thành trong thời gian trước phần chi phí xây dựng, thiết bị, chi phí QLDA, Tư vấn, chi phí khác. Hiện chỉ còn công tác kiểm toán dự án hoàn thành và một phần chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Giá trị thực hiện năm 2025 thực hiện là 1.313,052 triệu đồng, đạt 9,09% kế hoạch được ĐHĐCĐ giao, 24,78% kế hoạch điều chỉnh.

VNPD đã phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện hoàn thành một số công việc sau:

- Phối hợp, đơn đốc UBND xã Yên Hòa hoàn thành xong công tác ĐTXD hạng mục Điện chiếu sáng khu tái định cư bản Púng
- Thực hiện thỏa thuận kinh phí hỗ trợ san nền sân thể dục thể thao tại các khu TĐC tập trung theo đề nghị của Hội đồng BTGPMB. Trên cơ sở đó, UBND huyện Tương Dương đã ban hành Quyết định số 925/QĐ-UBND ngày 15/5/2025 phê duyệt phương án hỗ trợ và đã thực hiện hoàn thành công tác chi trả
- Đơn đốc UBND xã Tam Quang triển khai thực hiện hoàn thành công tác tư vấn lập BCKTKT hạng mục Di dời đường dây trung thế 35kV ra khỏi lòng hồ
- Phối hợp đơn đốc UBND xã Tương Dương, UBND xã Tam Thái phê duyệt mức hỗ trợ chi phí điều chỉnh hồ sơ quản lý đất đai cho các hộ dân bị ảnh hưởng ngập một phần diện tích.

Công tác quyết toán:



- * Chi phí xây dựng, thiết bị, quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác: Đã hoàn thành quyết toán thông qua 2 giai đoạn, được Hội đồng Quản trị phê duyệt tại các Quyết định số 1279/QĐ-HĐQT ngày 18/9/2024 và 42/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2025. Riêng chi phí kiểm toán quyết toán vốn dự án hoàn thành chưa thực hiện quyết toán do đang trong giai đoạn kiểm toán phần chi phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
- * Chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư (giai đoạn 1): VNPD đã rà soát, tổng hợp giá trị phần đền bù, hỗ trợ (giá trị 248 tỷ đồng) và trình UBND tỉnh Nghệ An, Sở Tài chính tỉnh Nghệ An quyết toán giai đoạn 1 tại Tờ trình số 375/TTr-VNPD ngày 11/3/2026. Hiện Công ty đang phối hợp, làm việc với Sở Tài chính tỉnh Nghệ An trong quá trình thẩm tra quyết toán.

Các công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Tăng/Giảm	% Tăng/Giảm
Tổng giá trị tài sản	1.737.881.486.691	1.780.695.197.148	42.813.710.457	2,46%
Doanh thu thuần	586.228.643.980	695.890.668.724	109.662.024.744	18,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	258.947.689.429	327.840.173.338	68.892.483.909	26,60%
Lợi nhuận khác	6.877.167.400	1.936.348.034	-4.940.819.366	-71,84%
Lợi nhuận trước thuế	265.824.856.829	329.776.521.372	63.951.664.543	24,06%
Lợi nhuận sau thuế	212.228.175.405	262.381.150.978	50.152.975.573	23,63%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	80,36%	56,87%	-23,50%	-29,24%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ số tài chính	Năm 2024	Năm 2025
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG THANH TOÁN		
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	1,026	3,224
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	1,004	3,187
CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN		
Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,193	0,088
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	0,238	0,096
CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG		
Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)	67,698	49,711
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	0,330	0,396
CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI		
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,362	0,377
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,151	0,162
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,122	0,147
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,442	0,471



Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Đến cuối năm 2025, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh của Công ty lần lượt đạt 3,224 và 3,187, tăng mạnh so với mức 1,026 và 1,004 của năm 2024. Việc các chỉ số thanh toán đều duy trì ở mức cao và tăng đáng kể cho thấy khả năng đáp ứng các nghĩa vụ nợ ngắn hạn của Công ty được cải thiện rõ rệt, đồng thời phản ánh tình hình tài chính ổn định, mức độ an toàn thanh khoản cao và khả năng chủ động về nguồn vốn trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Năm 2025, hệ số nợ trên tổng tài sản và hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty lần lượt ở mức 0,088 và 0,096, giảm so với mức 0,193 và 0,238 của năm 2024. Điều này cho thấy tỷ trọng nợ phải trả trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty đã giảm đáng kể, qua đó thể hiện mức độ tự chủ tài chính được củng cố và rủi ro tài chính được kiểm soát tốt hơn. Cơ cấu vốn theo hướng giảm đòn bẩy tài chính giúp doanh nghiệp tăng khả năng chống chịu trước các biến động của môi trường kinh doanh

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Do đặc thù hoạt động chính là sản xuất điện nên giá trị hàng tồn kho của Công ty ở mức thấp, dẫn tới chỉ tiêu vòng quay hàng tồn kho thường có giá trị cao và biến động giữa các năm. Năm 2025, vòng quay hàng tồn kho đạt 49,711 vòng, giảm so với 67,698 vòng của năm 2024 nhưng vẫn phản ánh đặc điểm tồn kho thấp của ngành. Bên cạnh đó, hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản bình quân tăng từ 0,330 lên 0,396, cho thấy hiệu quả khai thác và sử dụng tài sản của Công ty đã được cải thiện, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Trong năm 2025, các chỉ tiêu phản ánh khả năng sinh lời của Công ty đều ghi nhận sự cải thiện so với năm trước. Cụ thể, hệ số lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần tăng từ 0,362 lên 0,377; hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) tăng từ 0,151 lên 0,162; và hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) tăng từ 0,122 lên 0,147. Đồng thời, tỷ suất lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần cũng tăng từ 0,442 lên 0,471. Những chỉ số này cho thấy hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty tiếp tục được cải thiện, khả năng tạo lợi nhuận trên doanh thu, tài sản và vốn chủ sở hữu đều được nâng cao

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tính đến hết ngày 31/12/2025, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đã phát hành 106.589.629 cổ phiếu. Trong đó:

Tên cổ phiếu					
Cổ phiếu Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam					
Loại cổ phiếu	Cổ phiếu phổ thông	Mã chứng khoán	VPD	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phiếu
Ngày bắt đầu niêm yết	22/01/2018, Cổ phiếu của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh (HOSE) với mã chứng khoán VPD				
Số cổ phiếu phổ thông	106.589.629 cổ phiếu	Số cổ phiếu ưu đãi	0 cổ phiếu	Số cổ phiếu đang lưu hành	106.589.629 cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu chuyển nhượng tự do	106.589.629 cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phiếu
Các chứng khoán khác			Trong năm 2025, Công ty không thực hiện phát hành chứng khoán khác		
Giao dịch cổ phiếu quỹ trong năm 2025			Không		

Danh sách cổ đông lớn, cổ đông nhà nước

Tên cổ đông	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	
		sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng công ty Phát điện 1	Cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	39.062.236	36,65%
Tepco Renewable Power Singapore PTE. LTD	Cổ đông lớn	32.031.889	30,05%
Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	Cổ đông lớn	11.311.657	10,61%

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày 29/05/2025

Cơ cấu cổ đông

Tên cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ đông
Cổ đông lớn, cổ đông nhà nước	82.405.782	77,31	3
Cổ đông nhỏ	24.183.847	22,69	6.351
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.354
Cổ đông trong nước	73.404.513	68,87	6.327
Cổ đông nước ngoài	33.185.116	31,13	27
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.354
Cổ đông tổ chức	87.146.109	81,76%	25
Cổ đông cá nhân	19.443.520	18,24%	6.329
Cổ phiếu quỹ	0	0	0
Tổng	106.589.629	100	6.354

Theo danh sách cổ đông do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày 29/05/2025

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: Theo văn bản số 159/UBCKNN-PTTT ngày 08/01/2024 về việc thông báo tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty là 50%.

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN CHỦ SỞ HỮU

Trong năm 2025, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam không có sự tăng, giảm vốn góp của Chủ sở hữu

Thời điểm	Số cổ phần phát hành thêm	VĐL sau khi phát hành	Phương thức tăng vốn	Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn
03/6/2012		13.700.000.000	Vốn ban đầu sau khi thành lập	Công ty thành lập và đi vào hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Góp vốn từ 05 cổ đông sáng lập
31/12/2013	87.347.043	887.170.430.000	1. Phát hành cổ phần cho các cổ đông hiện hữu đồng thời là cổ đông sáng lập - Số lượng phát hành: 36.197.234 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu 2. Phát hành cho cán bộ, công nhân viên ngành điện do Công đoàn điện lực Việt Nam đã huy động góp vốn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Bình theo phân bổ của VNPD; Cán bộ, công nhân viên Tập đoàn Điện lực Việt Nam; Cán bộ, công nhân viên VNPD - Số lượng phát hành: 51.149.809 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: Theo quy chế được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Giá phát hành: 10.000 – 12.000 đồng/cổ phiếu theo đối tượng và theo từng giai đoạn tăng vốn	Đại hội đồng cổ đông công ty, Hội đồng quản trị (theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông). - Quy chế góp vốn được Hội đồng quản trị công ty phê duyệt ngày 18/8/2007 - Quyết định số 126/QĐ-VNPD-HĐQT ngày 29/12/2007 - Nghị quyết số 12/NQ-VNPD-HĐQT ngày 28/11/2008 - Nghị quyết số 01/NQ-VNPD-HĐQT ngày 26/3/2010. - Nghị quyết số 03/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 ngày 24/4/2011 - Nghị quyết số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 21/4/2012 - Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2013 số 05/NQ-VNPD-ĐHĐCĐ ngày 25/5/2013
21/8/2014	2.089.421	908.064.640.000	Trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 4718/UBCK-QLPH ngày 21/8/2014
18/11/2015	9.190.207	999.966.710.000	1. Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu: - Số lượng phát hành: 2.933.921 cổ phiếu - Tỷ lệ phân bổ quyền: 7,6243% - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu 2. Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo Giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu số 51/GCN-UBCK cấp ngày 29/07/2015
04/11/2016	2.496.427	1.024.930.980.000	Thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2,5%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6559/UBCK-QLCB ngày 29/9/2016.
10/10/2018	4.096.531	1.065.896.290.000	Phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 4%	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo công văn số 6572/UBCK-QLCB ngày 25/9/2018.



CHƯƠNG IV

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

Năm 2025, trong bối cảnh thị trường điện và nền kinh tế còn nhiều biến động, Công ty cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định, các nhà máy thủy điện vận hành an toàn, hiệu quả và tuân thủ nghiêm các quy định điều độ của hệ thống điện quốc gia. Nhờ điều kiện thủy văn thuận lợi cùng với công tác quản lý vận hành, bảo dưỡng sửa chữa được triển khai tốt, Công ty đã hoàn thành vượt mức nhiều chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quan trọng do Đại hội đồng cổ đông giao.

Về sản xuất điện, các Nhà máy thủy điện Khe Bố, Bắc Bình và Nậm Má vận hành ổn định, đảm bảo an toàn công trình và thiết bị, tuân thủ quy trình vận hành hồ chứa và điều độ hệ thống điện. Tổng sản lượng điện thương phẩm năm 2025 đạt 638,479 triệu kWh, tương đương 138,39% kế hoạch Đại hội đồng cổ đông giao và 110,33% kế hoạch điều chỉnh của Hội

đồng quản trị, tăng 22,71% so với năm 2024. Đây là mức sản lượng cao nhất kể từ khi Công ty thành lập và cao hơn 4,52% so với năm 2017 - năm trước đây có sản lượng điện cao nhất. Trong đó, Nhà máy thủy điện Khe Bố đạt sản lượng cao nhất kể từ khi đi vào vận hành.

Về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, Công ty tiếp tục duy trì hiệu quả công tác quản lý kỹ thuật và vận hành thiết bị. Các chỉ tiêu như tỷ lệ điện tự dùng, suất tiêu hao nước, hệ số khả dụng, tỷ lệ dừng máy do sự cố và tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng đều hoàn thành và đạt kế hoạch đề ra, cho thấy các tổ máy được khai thác hiệu quả, đảm bảo độ tin cậy và an toàn trong vận hành.

Về doanh thu và hiệu quả kinh doanh, tổng doanh thu năm 2025 đạt 702.000,795 triệu đồng, tương đương 136,05% kế

hoạch ĐHCĐ giao và 109,12% kế hoạch điều chỉnh. Lợi nhuận sau thuế đạt 262.381,151 triệu đồng, tương đương 179,26% kế hoạch ĐHCĐ giao và 112,41% kế hoạch điều chỉnh. Kết quả này chủ yếu nhờ sản lượng điện phát tăng cao do điều kiện thủy văn thuận lợi và việc tối ưu hóa vận hành hồ chứa, tận dụng hiệu quả nguồn nước về hồ.

Tuy nhiên, giá bán điện bình quân năm 2025 có xu hướng giảm so với kế hoạch, đặc biệt tại Nhà máy thủy điện Khe Bố. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2025 tình hình thủy văn trên hệ thống thuận lợi, nhiều nhà máy thủy điện trên toàn quốc có sản lượng nước về lớn, dẫn đến việc chào giá thấp để được huy động, khiến giá thị trường điện giảm mạnh so với năm 2024. Điều này khiến doanh thu từ thị trường điện của một số nhà máy chưa đạt kế hoạch dù sản lượng phát điện tăng.

Về công tác tài chính, Công ty tiếp tục duy trì tình hình tài chính lành mạnh, đảm bảo cân đối dòng tiền cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu đều ở mức an toàn, trong đó hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu ở mức thấp (0,096 lần) và khả năng thanh toán nợ ngắn hạn đạt 3,22 lần, cho thấy khả năng thanh khoản tốt và mức độ tự chủ tài chính cao. Đồng thời, Công ty đã đảm bảo đầy đủ nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vay, thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước và chi trả cổ tức cho cổ đông theo kế hoạch.

Bên cạnh đó, Công ty cũng triển khai hiệu quả các hoạt động quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, nâng cao hiệu quả đầu thầu và quản lý dòng tiền. Tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu năm 2025 đạt 13,10%, cao hơn mục tiêu đề ra. Công tác nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tiếp tục được thúc đẩy, trong đó Công ty đã thành lập nhóm nòng cốt ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm hỗ trợ công tác quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh trong thời gian tới.

Nhìn chung, năm 2025 Công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu, đặc biệt là sản lượng điện, doanh thu và lợi nhuận. Kết quả này tạo nền tảng thuận lợi để Công ty tiếp tục triển khai các mục tiêu phát triển trong năm 2026 và giai đoạn tiếp theo.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm	%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
A . Tài sản ngắn hạn	322.687.591.844	18,57%	501.640.246.140	28,17%	178.952.654.296	55,46%
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	221.236.483.252	12,73%	280.620.629.431	15,76%	59.384.146.179	26,84%
2. Các khoản phải thu ngắn hạn	94.167.565.565	5,42%	214.952.887.709	12,07%	120.785.322.144	128,27%
3. Hàng tồn kho	6.779.350.589	0,39%	5.649.145.609	0,32%	- 1.130.204.980	-16,67%
4. Tài sản ngắn hạn khác	504.192.438	0,03%	417.583.391	0,02%	- 86.609.047	-17,18%
B . Tài sản dài hạn	1.415.193.894.847	81,43%	1.279.054.951.008	71,83%	- 136.138.943.839	-9,62%
1. Tài sản cố định	1.377.160.213.515	79,24%	1.233.231.430.626	69,26%	- 143.928.782.889	-10,45%
2. Tài sản dở dang dài hạn	3.847.847.480	0,22%	13.299.288.742	0,75%	9.451.441.262	245,63%
3. Đầu tư tài chính dài hạn	1.950.000.000	0,11%	1.950.000.000	0,11%	-	0,00%
4. Tài sản dài hạn khác	32.235.833.852	1,85%	30.574.231.640	1,72%	- 1.661.602.212	-5,15%
Tổng cộng Tài sản	1.737.881.486.691	100,00%	1.780.695.197.148	100,00%	42.813.710.457	2,46%

Tổng tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2025 đạt 1.780.695.197.148 đồng, tăng 42.813.710.457 đồng, tương ứng 2,46% so với năm 2024. Sự biến động này chủ yếu đến từ việc tài sản ngắn hạn tăng mạnh, trong khi tài sản dài hạn giảm trong năm.

Tài sản ngắn hạn năm 2025 đạt 501.640.246.140 đồng, tăng 178.952.654.296 đồng (tương ứng 55,46%) so với năm 2024. Trong đó, tiền và các khoản tương đương tiền tăng 59.384.146.179 đồng (26,84%), phản ánh lượng tiền mặt và khả năng thanh khoản của Công ty được cải thiện. Đáng chú ý, các khoản phải thu ngắn hạn tăng mạnh 120.785.322.144 đồng, tương ứng 128,27%, cho thấy quy mô các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh gia tăng trong năm. Ngược lại, hàng tồn kho giảm 1.130.204.980 đồng (-16,67%) và tài sản ngắn hạn khác giảm 86.609.047 đồng (-17,18%), tuy nhiên các khoản mục này chiếm tỷ trọng nhỏ nên không ảnh hưởng đáng kể đến tổng tài sản.

Tài sản dài hạn năm 2025 đạt 1.279.054.951.008 đồng, giảm 136.138.943.839 đồng, tương ứng -9,62% so với năm 2024. Nguyên nhân chủ yếu đến từ tài sản cố định giảm 143.928.782.889 đồng (-10,45%), chủ

yếu do Công ty thực hiện trích khấu hao tài sản cố định trong kỳ. Trong khi đó, tài sản dở dang dài hạn tăng 9.451.441.262 đồng (245,63%), phản ánh việc Công ty tiếp tục triển khai một số hạng mục đầu tư. Đầu tư tài chính dài hạn giữ nguyên ở mức 1.950.000.000 đồng, còn tài sản dài hạn khác giảm nhẹ 1.661.602.212 đồng (-5,15%).

Về cơ cấu tài sản, tài sản dài hạn vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu trong tổng tài sản của Công ty, đạt 71,83% năm 2025, dù đã giảm so với mức 81,43% của năm 2024. Ngược lại, tài sản ngắn hạn tăng tỷ trọng từ 18,57% lên 28,17%, cho thấy cơ cấu tài sản đang có xu hướng cân đối hơn giữa tài sản ngắn hạn và dài hạn. Việc gia tăng tỷ trọng tài sản ngắn hạn, đặc biệt là tiền và các khoản phải thu, góp phần cải thiện khả năng thanh khoản và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty vẫn duy trì cơ cấu tài sản ổn định, với trọng tâm là tài sản dài hạn phục vụ hoạt động sản xuất điện, đồng thời gia tăng quy mô tài sản ngắn hạn nhằm nâng cao tính linh hoạt tài chính và khả năng đáp ứng nhu cầu vốn lưu động trong hoạt động kinh doanh.





Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		Tăng/ Giảm	%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng		
I. Nợ ngắn hạn	314.547.197.187	94,02%	155.614.069.560	99,60%	-158.933.127.627	-50,53%
1. Phải trả người bán ngắn hạn	14.681.923.957	4,39%	29.398.235.610	18,82%	14.716.311.653	100,23%
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	102.460.000	0,03%	102.460.000	0,07%	0	0,00%
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	31.419.514.955	9,39%	39.064.355.683	25,00%	7.644.840.728	24,33%
4. Phải trả người lao động	11.228.064.911	3,36%	20.600.941.459	13,19%	9.372.876.548	83,48%
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	8.529.341.396	2,55%	225.722.979	0,14%	-8.303.618.417	-97,35%
6. Phải trả ngắn hạn khác	183.764.505.072	54,93%	36.930.042.513	23,64%	-146.834.462.559	-79,90%
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	58.760.387.751	17,56%	20.000.000.000	12,80%	-38.760.387.751	-65,96%
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6.060.999.145	1,81%	9.292.311.316	5,95%	3.231.312.171	53,31%
II. Nợ dài hạn	20.000.000.000	5,98%	624.451.656	0,40%	-19.375.548.344	-96,88%
1. Vay và thuê tài chính dài hạn	20.000.000.000	5,98%	0	0,00%	-20.000.000.000	-100,00%
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0,00%	624.451.656	0,40%	624.451.656	
Tổng Nợ phải trả	334.547.197.187	100,00%	156.238.521.216	100,00%	-178.308.675.971	-53,30%

Tại thời điểm 31/12/2025, tổng nợ phải trả của Công ty đạt 156.238.521.216 đồng, giảm 178.308.675.971 đồng, tương ứng giảm 53,30% so với năm 2024. Mức giảm này chủ yếu đến từ việc Công ty giảm đáng kể các khoản nợ ngắn hạn và tất toán các khoản vay dài hạn trong năm.

Nợ ngắn hạn năm 2025 đạt 155.614.069.560 đồng, giảm 158.933.127.627 đồng (-50,53%) so với năm 2024. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, các khoản phải trả ngắn hạn khác vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhưng đã giảm mạnh 146.834.462.559 đồng (-79,90%). Bên cạnh đó, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn cũng giảm 38.760.387.751 đồng (-65,96%), cho thấy Công ty đã chủ động giảm nghĩa vụ vay nợ trong kỳ. Ngược lại, một số khoản mục tăng lên như phải trả người bán ngắn hạn tăng 100,23%, phải trả người lao động tăng 83,48% và các khoản phải nộp Nhà nước tăng 24,33%, phản ánh quy mô hoạt động và nghĩa vụ thanh toán phát sinh trong kỳ.

Nợ dài hạn năm 2025 còn 624.451.656 đồng, giảm mạnh 19.375.548.344 đồng (-96,88%) so với năm trước. Nguyên nhân chủ yếu do Công ty đã thanh toán toàn bộ khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong năm. Khoản mục nợ dài hạn còn lại chủ yếu là Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập trong kỳ.

Nhìn chung, trong năm 2025 Công ty đã giảm đáng kể quy mô nợ phải trả, đặc biệt là các khoản vay tài chính, qua đó góp phần cải thiện mức độ an toàn tài chính và giảm áp lực nghĩa vụ nợ trong các kỳ tiếp theo.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Trong năm 2025, Công ty đã nỗ lực triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn về tài chính, đồng thời kiện toàn cơ cấu tổ chức và hoàn thiện cơ chế quản lý, đảm bảo phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng.

Về công tác tổ chức, cán bộ: Giữ nguyên mô hình tổ chức đảm bảo ổn định, chỉ đạo các giải pháp sử dụng lao động hiệu quả; đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ chuyên sâu.

Về hệ thống quy chế quản lý nội bộ: Hệ thống quy chế quản lý nội bộ của công ty ngày càng hoàn thiện, phù hợp với yêu cầu quản lý điều hành và mô hình hoạt động của công ty. HĐQT đã sửa đổi, bổ sung một số quy chế như sau: sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý tài chính; ban hành Quy chế phối hợp giữa Đảng ủy và Hội đồng quản trị Công ty; sửa đổi, bổ sung Quy chế về công tác cán bộ; sửa đổi, bổ sung Quy chế phân cấp; Quy chế Quản lý Khoa học và Công nghệ; sửa đổi, bổ sung Quy chế về công tác đấu thầu; sửa đổi, bổ sung Quy chế công bố thông tin; Quy chế Quản trị rủi ro; ...

- Về công tác kiểm toán nội bộ: Trong năm 2025, bộ phận trực thuộc HĐQT là phòng Kiểm toán nội bộ (KTNB) hoạt động hiệu quả, đóng góp đáng kể vào cải thiện hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty. Phương pháp tiếp cận và các thủ tục kiểm toán trong thực hành của phòng KTNB thực hiện theo Thông tư 08/2021/TT-BTC ngày 25/01/2021 của Bộ Tài chính ban hành Chuẩn mực KTNB Việt Nam và các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp KTNB. Kế hoạch kiểm toán năm được lập theo nguyên tắc bám sát các rủi ro trọng yếu trong hoạt động của Công ty. KTNB đã tham vấn ý kiến và trao đổi với Ban kiểm soát/Ban Tổng giám đốc trước khi lập kế hoạch và trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch hàng năm. Kết thúc năm tài chính, KTNB đã hoàn thành kế hoạch theo đúng thời gian và nguồn lực dự kiến. Kết quả kiểm toán nội bộ cho thấy

hệ thống kiểm soát trong Công ty cơ bản được thiết kế hiệu quả và phù hợp. Các đơn vị và quy trình được kiểm toán có kết quả tuân thủ ở mức tốt. Phần lớn các phát hiện kiểm toán liên quan tới các rủi ro mức độ trung bình, rủi ro thấp. Trong các báo cáo kiểm toán, KTNB đã đưa ra các khuyến nghị giúp Công ty điều chỉnh và bổ sung các kiểm soát nhằm ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các rủi ro trọng yếu trong hoạt động, được các đơn vị áp dụng và triển khai kịp thời.



KẾ HOẠCH 2026

Công ty dự kiến kế hoạch SXKD-ĐT XD năm 2026 với các chỉ tiêu chính như sau:

Nội dung KH	Đơn vị	KH năm 2026
Sản lượng điện thương phẩm	Tr kWh	472,839
Đầu tư xây dựng	Tr. đồng	213.221,536
- ĐT XD các công trình	Tr. đồng	178.759,935
- Đầu tư phát triển	Tr. đồng	34.461,601
Doanh thu:	Tr. đồng	530.707,389
- Doanh thu sản xuất điện	Tr. đồng	524.588,389
- Doanh thu, thu nhập khác	Tr. đồng	6.119
Chi phí :	Tr. đồng	336.454,828
Sửa chữa lớn	Tr. đồng	600
Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	155.088,291
Cổ tức	%	14,0%

Các số liệu dưới đây là dự kiến số liệu chính thức khi được Đại hội đồng cổ công thông qua

KẾ HOẠCH SXKD

Kế hoạch sản xuất điện

Trên cơ sở dự báo tình hình khí tượng thủy văn năm 2026, Công ty tính toán kế hoạch sản lượng điện thương phẩm năm 2026 của các nhà máy thủy điện Khe Bố, Bắc Bình tương ứng với các tần suất 50%, 65%, 90%. Kết quả tính toán như sau:

Năm	Bắc Bình			Khe Bố		
	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%	Tần suất 50%	Tần suất 65%	Tần suất 90%
2026	97,67	82,64	53,11	412,806	364,787	268,504

Từ kết quả tính toán, Công ty đề xuất lập kế hoạch sản lượng điện năm 2026 Nhà máy thủy điện Khe Bố và Nhà máy thủy điện Bắc Bình theo phương án tần suất 65% (cập nhật sản lượng thực tế tháng 1 và tháng 2 năm 2026), Nhà máy thủy điện Nậm Má theo sản lượng trung bình các năm gần đây. Theo đó kế hoạch sản lượng điện thương phẩm năm 2026 của toàn Công ty là 472,839 tr. kWh.

Suất tiêu hao nhiên liệu, vật liệu phụ

Kế hoạch suất tiêu hao nước năm 2026 của các nhà máy cụ thể như sau: Thủy điện Khe Bố: 17,56 m3/kWh; Thủy điện Bắc Bình: 6,3 m3/kWh; Thủy điện Nậm Má: 4,55 m3/kWh, suất tiêu hao nước trung bình toàn Công ty là 15,03 m3/kWh.

Sửa chữa lớn

Kế hoạch sửa chữa lớn các nhà máy năm 2026 dự kiến là: 600 triệu đồng gồm 01 danh mục Đại tu Tổ máy H2 Nhà máy thủy điện Khe Bố (thử nghiệm sau đại tu).

- Kế hoạch lao động 2026 (Lao động bình quân): Tổng số: 138 người, trong đó:
- HĐQT, BKS: 10 người (không tính 03 thành viên HĐQT, BKS của TEPCO RP do không nhận thù lao và các khoản lợi ích khác tại VNPD);
 - Người lao động & Ban điều hành: 128 người.

Kế hoạch tiền lương, thù lao:

- Quỹ Tiền lương, thù lao HĐQT, BKS : 2.655.600.000 VNĐ
- Quỹ Tiền lương người lao động, BĐH : 45.387.321.000 VNĐ

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2026 Công ty thực hiện xây dựng theo “Quy chế công tác lao động, tiền lương trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam” ban hành kèm theo Quyết định số 49/QĐ-HĐQT ngày 19/11/2025.

Tài chính - Kế toán

- Công tác Báo cáo tài chính: Hoàn thành BCTC Quý IV/2025, BCTC năm 2025 được kiểm toán, BCTC Quý I/2026, BCTC Quý II/2026, BCTC giữa niên độ được soát xét, BCTC Quý III/2026 đúng tiến độ, công bố thông tin đầy đủ theo quy định.
- Công tác thu xếp vốn: Cân đối dòng tiền tối ưu, đảm bảo nhu cầu thanh toán cho SXKD, ĐTXD, trả gốc vay và lãi vay, nộp thuế và thực hiện nghĩa vụ với NSNN, trả cổ tức cho các cổ đông.
- Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu về kế hoạch năm 2026 (bên cạnh các chỉ tiêu doanh thu, chi phí, lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ cổ tức đã được báo cáo bên trên) như sau:

Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2026
Nợ phải trả/ Vốn CSH	Lần	≤3
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1
Lợi nhuận sau thuế trên bình quân tổng tài sản (ROA)	Lần	0,08
Lợi nhuận sau thuế trên bình quân vốn CSH (ROE)	Lần	0,10

- Hiện tại, mức thực hiện cổ tức năm 2025 tạm trình bày là 14% (bằng kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 giao). Mức cổ tức năm 2025 chính thức sẽ được ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 quyết định.

Đầu tư xây dựng

Năm 2026 Công ty thực hiện 7 dự án với tổng giá trị là 178.759,935 triệu đồng, trong đó: Các công việc chính của dự án thực hiện trong năm 2026 thực hiện bao gồm:

- Dự án Nhà máy thủy điện Khe Bố: Thực hiện các công việc còn lại trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với giá trị là 11.699,00 triệu đồng.
- Dự án Nhà máy Điện sinh khối Cần Thơ: Các công việc chính thực hiện là nhận chuyển nhượng QSD đất, lập dự án đầu tư, san nền với tổng giá trị dự kiến là 157.390,00 triệu đồng.
- Dự án Nhà máy thủy điện Nậm Má 2: Các công việc chính thực hiện là khảo sát địa chất, lập dự án đầu tư với tổng giá trị 4.800 triệu đồng.
- Dự án ĐTXD khác chuyển tiếp từ năm 2025: 4.870,94 triệu đồng.

Đầu tư phát triển

Tiếp tục thực hiện 05 danh mục chuyển tiếp năm 2025 và dự kiến thực hiện 8 danh mục mới, nghiên cứu đầu tư dự án nguồn điện mới với tổng giá trị: 34.461,601 triệu đồng. Các danh mục mới triển khai trong năm 2026 như sau:

- Mua máy bắn đá khô (thiết bị chuyên dụng vệ sinh máy phát điện) cho nhà máy thủy điện Bắc Bình.
- Mua sắm thiết bị thí nghiệm giai đoạn 1 cho Nhà máy Thủy điện Bắc Bình.
- Hệ thống kích từ tổ máy H1, H2 cho Nhà máy Thủy điện Bắc Bình.
- Nâng cấp, cải tạo hệ thống giám sát nhiệt máy biến áp T1, T2 Nhà máy Thủy điện Khe Bố.
- Mua thiết bị hiệu chuẩn nhiệt độ cho Nhà máy Thủy điện Khe Bố.
- Mua máy Scan A3 cho Nhà máy Thủy điện Khe Bố.
- Hệ thống kích từ tổ máy H1 Nhà máy Thủy điện Khe Bố.
- Mua sắm 01 máy chủ Dell bổ sung cho hệ thống CNTT.

CÁC BIỆN PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2026

Hướng tới mục tiêu hoàn thành các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch SXKD - ĐTXD được giao, năm 2026 Công ty dự kiến thực hiện một số giải pháp cụ thể như sau:

Công tác điều hành

- Giao các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, kế hoạch vận hành hàng tháng cho các đơn vị, trong đó tập trung chính vào chỉ tiêu Hệ số khả dụng và sản lượng điện. Đảm bảo công tác BDSC đạt tiến độ và chất lượng.
- Phối hợp tốt với địa phương và các nhà máy thủy điện bậc thang trên sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn nước; Vận hành bám quy trình hồ chứa; Điều tiết nước, xả điều tiết lũ đúng quy định.
- Gắn trách nhiệm của Người đứng đầu các đơn vị trong việc đảm bảo hoàn thành kế hoạch giao.
- Siết chặt kỷ luật vận hành, không để xảy ra sự cố chủ quan.

Công tác quản lý kỹ thuật

- Thực hiện xây dựng bộ dữ liệu cơ sở về thiết bị, vật tư của các Nhà máy làm cơ sở thiết lập các ứng dụng/phần mềm quản lý kỹ thuật, vật tư một cách hiệu quả. Hoàn thiện phân tích RCM và áp dụng vào công tác BDSC thiết bị các nhà máy điện của Công ty.
- Xây dựng và ban hành các quy trình vận hành và xử lý sự cố hiệu chỉnh của các Đơn vị theo định hướng số hóa quy trình.
- Xây dựng và triển khai ứng dụng AI như một trợ lý ảo trong công tác quản lý văn bản nội bộ để giảm thiểu sai sót và tăng chất lượng tài liệu xuất bản.
- Xây dựng phần mềm lập và kiểm soát công tác hồ sơ, tài liệu Quản lý chất lượng đối với các dự án ĐTXD và BDSC công trình.

Công tác thị trường điện

- Tổ chức làm việc với NSMO, EPTC về sản lượng điện hợp đồng của các nhà máy trên cơ sở phù hợp với dự báo tình hình thủy văn.
- Liên hệ chặt chẽ, liên tục với các nhà máy bậc thang trên (Đại Ninh, Bản Vẽ và các nhà máy thủy điện nhỏ khác) để có phương án chào giá tốt nhất cho các nhà máy.
- Phối hợp NSMO thực hiện khai thác tối ưu các hồ chứa, bảo đảm sẵn sàng phát điện và cấp nước các vùng hạ du.



Công tác đầu tư xây dựng

- Đào tạo, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự thực hiện công tác quản lý dự án.
- Tích cực và chủ động làm việc với các Sở, Ban, Ngành của các Tỉnh, Thành phố trong công tác bổ sung quy hoạch dự án, chấp thuận chủ trương đầu tư và lựa chọn nhà đầu tư các dự án.
- Tăng cường chất lượng công tác lựa chọn nhà thầu: đảm bảo lựa chọn tư vấn có năng lực; tổ chức thực hiện LCNT sớm các gói thầu then chốt như thiết kế và mua sắm, phân chia các gói thầu hợp lý nhằm đảm bảo thu hút được nhà thầu có năng lực tốt.

Công tác tài chính

- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quản trị chi phí, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.
- Theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch chi phí năm 2026, kịp thời tổng hợp, báo cáo phục vụ công tác điều hành sản xuất.
- Phối hợp chặt chẽ với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng trong công tác thu xếp vốn, đảm bảo nhu cầu vốn cho các dự án theo tiến độ được phê duyệt.
- Tăng cường công tác quản trị dòng tiền, đảm bảo dòng tiền an toàn, hiệu quả, cân đối vốn đầy đủ, kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư.

Công tác tổ chức, nhân sự, đào tạo

- Tối ưu hóa mô hình quản lý tập trung; tổ chức thi giữ bậc, đánh giá chất lượng lực lượng vận hành sửa chữa để sắp xếp, nâng bậc, trả lương.
- Về đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn cho CBCNV: Tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn và khóa đào tạo do EVNGENCO1 tổ chức (lao động tiền lương, đấu thầu, chuyển đổi số, thị trường điện, ATLĐ...).
- Quy chế quản lý nội bộ: Rà soát, sửa đổi, bổ sung, công bố và tập huấn các quy chế cần thiết.
- Thực hiện theo chuẩn EVN, EVNGENCO1; áp dụng 5S; phát động phong trào thi đua; triển khai đề tài khoa học; tuân thủ ATLĐ, PCCC.

Công tác KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- Về hoạt động nghiên cứu khoa học và sáng kiến cải tiến kỹ thuật: Tiếp tục thực hiện xét duyệt và công nhận các nhiệm vụ KHCN và sáng kiến cải tiến kỹ thuật nằm trong KH KHCN năm 2025; phê duyệt và triển khai kế hoạch KHCN năm 2026.
- Về công tác đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Đẩy mạnh ứng dụng AI trong công tác quản lý sản xuất kinh doanh. Ưu tiên triển khai các ứng dụng trong công tác quản lý kỹ thuật, số hóa quy chế quản lý nội bộ. Cụ thể: Xây dựng Chatbot VNPD phục vụ truy vấn quy định quản lý nội bộ; Xây dựng ứng dụng tự động hóa hồ sơ và quản lý tài liệu; xây dựng cơ sở dữ liệu tập trung cho VNPD; số hóa quy trình nghiệp vụ ...

CHƯƠNG V

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY



Năm 2025, trong bối cảnh nền kinh tế và thị trường điện còn nhiều biến động, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam vẫn duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định. Các nhà máy thủy điện của Công ty được vận hành an toàn, hiệu quả, tuân thủ nghiêm các quy định điều độ của hệ thống điện quốc gia và quy trình vận hành hồ chứa. Nhờ điều kiện thủy văn thuận lợi cùng với công tác quản lý, vận hành và bảo dưỡng được triển khai tốt, Công ty đã hoàn thành và vượt nhiều chỉ tiêu sản xuất kinh doanh quan trọng do Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm, Công ty tiếp tục đảm bảo hiệu quả vận hành các tổ máy, duy trì các chỉ tiêu kinh tế – kỹ thuật ở mức tốt, góp phần nâng cao hiệu quả khai thác các nhà máy thủy điện. Hoạt động tài chính của Công ty được quản lý chặt chẽ, đảm bảo cân đối dòng tiền, duy trì mức độ an toàn tài chính và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, các tổ chức tín dụng cũng như cổ đông.

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty cũng chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị, thực hành tiết kiệm, kiểm soát chi phí và thúc đẩy ứng dụng công nghệ trong quản lý và vận hành. Các hoạt động nghiên cứu, đổi mới và chuyển đổi số từng bước được triển khai nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực quản trị trong dài hạn.

Nhìn chung, Hội đồng quản trị đánh giá năm 2025 Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ trọng tâm, duy trì hoạt động ổn định và tạo nền tảng tích cực cho sự phát triển trong các năm tiếp theo.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2025, Ban Tổng giám đốc Công ty đã rất nỗ lực, cố gắng khắc phục mọi khó khăn, điều hành linh hoạt, sát sao các mặt hoạt động trong Công ty. Ban Tổng giám đốc luôn báo cáo chi tiết, đầy đủ và chính xác các vấn đề phát sinh trình HĐQT; bàn bạc trực tiếp hoặc qua điện thoại, email, phương tiện điện tử, văn bản với HĐQT để kịp thời đưa ra các giải pháp tối ưu nhất nhằm hoàn thành kế hoạch đã được ĐHĐCĐ giao. Ban Tổng giám đốc đã thực hiện đúng chức năng, thẩm quyền được phân cấp, thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết, Quyết định, các chỉ đạo của HĐQT; tuân thủ đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty. Nhờ vậy, Công ty đã hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kế hoạch năm 2025.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Để đảm bảo sự phát triển bền vững, tiếp tục nâng cao uy tín và thương hiệu của Công ty, Hội đồng Quản trị đưa ra một số mục tiêu và giải pháp, kế hoạch hoạt động của HĐQT 2026 như sau:



Đối với hoạt động của HĐQT

- Thông qua chương trình ĐHĐCĐ năm 2026; Trình ĐHĐCĐ thông qua các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2026 của Công ty.
- Xây dựng chương trình làm việc, định hướng hoạt động bám sát Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.
- Phối hợp với Ban kiểm soát trong công tác quản trị, giám sát hoạt động của Ban Điều hành.

Quản trị, chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Định hướng, chỉ đạo và giám sát Ban Điều hành thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.
- Kiểm soát chi phí, giám sát hoạt động đầu tư đạt hiệu quả, đảm bảo an toàn vốn và lợi nhuận.
- Chỉ đạo công tác quản trị, quản lý vận hành các Nhà máy điện sản xuất an toàn, ổn định và hiệu quả.
- Chỉ đạo tìm kiếm các dự án mới.
- Tăng cường công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý điều hành hoạt động SXKD, ĐTXD của Công ty.
- Cập nhật, bổ sung và hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý nội bộ phù hợp với các quy định của pháp luật, của ngành điện và tình hình thực tế của Công ty.
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, an sinh xã hội.



CHƯƠNG VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Họ và Tên	Chức vụ tại Công ty	Chức danh tại Công ty khác	Ngày bổ nhiệm	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) sở hữu
Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch HĐQT		28/5/2022	0	0%
Ông Nguyễn Anh Tuấn	TV. HĐQT, TGĐ		25/4/2025	0	0%
Ông Nguyễn Đăng Khương	TV. HĐQT không điều hành	TP Kế hoạch Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại	28/5/2022	0	0%
Ông Đỗ Đức Hùng	TV. HĐQT không điều hành	Chủ tịch Công đoàn điện lực Việt Nam	28/5/2022	25.261	0,0237%
Ông Yoshiyuki Ueda	TV. HĐQT không điều hành	Quản lý cấp cao , Trưởng Dự án Văn phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế của TEPCO RP	25/4/2023	0	0%
Ông Naruomi Samejima	TV. HĐQT không điều hành	Giám đốc (Dự án Việt Nam), Văn phòng Hà Nội, Phòng Phát triển Kinh doanh Quốc tế của TEPCO RP	04/12/2023	0	0%
Ông Trần Văn Được	Thành viên độc lập HĐQT		28/5/2022	140.000	0,13%
Ông Nguyễn Loãn	Thành viên độc lập HĐQT		25/4/2023	329.856	0,3095%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát

Căn cứ Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ, Hội đồng quản trị đã thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát đối với Tổng giám đốc và Ban Điều hành trong quá trình tổ chức, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh và triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị trong năm 2025, cụ thể như sau:

Phương thức giám sát

Bên cạnh việc thảo luận, trao đổi trực tiếp tại các cuộc họp định kỳ với Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị còn duy trì trao đổi thường xuyên qua thư điện tử và điện thoại nhằm cập nhật tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tiến độ triển khai các Nghị quyết của HĐQT và các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

HĐQT phối hợp chặt chẽ với Ban Kiểm soát, đồng thời phân công

nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên nhằm thực hiện hiệu quả công tác giám sát trên các phương diện sau:

- Giám sát tình hình tài chính: Xem xét, phân tích các báo cáo tài chính định kỳ; đánh giá kết quả hoạt động, tình hình dòng tiền và các chỉ tiêu tài chính trọng yếu trước khi ban hành các quyết định liên quan.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh: Thông qua hệ thống kiểm soát nội bộ, HĐQT theo dõi, chỉ đạo đảm bảo các hoạt động được thực hiện đúng quy định pháp luật, Điều lệ và quy chế nội bộ; đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành.
- Giám sát công tác quản trị rủi ro: Chỉ đạo và theo dõi việc vận hành hệ thống quản trị rủi ro ở cấp Công ty, đảm bảo các rủi ro trọng yếu được nhận diện, đánh giá và kiểm soát kịp thời.

Sau mỗi kỳ họp, HĐQT thảo luận và ban hành các nghị quyết liên quan đến kế hoạch hoạt động của quý tiếp theo và các vấn đề trọng yếu khác, làm cơ sở để Tổng giám đốc và Ban Điều hành tổ chức triển khai thực hiện.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Hiện tại, cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty có 02/08 thành viên là thành viên độc lập, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và tăng cường tính khách quan trong hoạt động quản trị.

Trong năm 2025, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị đã tham dự đầy đủ các cuộc họp, tích cực nghiên cứu tài liệu và tham gia ý kiến đối với các vấn đề trọng yếu cũng như các nội dung phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty. Những ý kiến đóng góp mang tính độc lập, khách quan và chuyên môn cao đã hỗ trợ Hội đồng quản trị đưa ra các quyết sách kịp thời, góp phần tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và nâng cao hiệu quả quản trị. Các ý kiến của thành viên độc lập Hội đồng quản trị luôn được tôn trọng, ghi nhận đầy đủ và là cơ sở quan trọng trong quá trình thảo luận, biểu quyết thông qua các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Kết quả giám sát

Trên cơ sở theo dõi và đánh giá trong năm, Hội đồng quản trị ghi nhận Ban Tổng giám đốc đã thực hiện tốt chức năng quản lý, điều hành, cụ thể như sau:

- Tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật hiện hành về quản trị công ty; thực hiện công bố thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh cho cơ quan quản lý nhà nước, cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan đảm bảo tính minh bạch, chính xác và kịp thời.
- Tổ chức quản lý và điều hành hoạt động của Công ty theo các nguyên tắc quản trị tiên tiến, phù hợp với thông lệ quản trị tốt và định hướng phát triển bền vững.
- Duy trì chế độ báo cáo định kỳ hàng quý, hàng năm tới Hội đồng quản trị theo đúng quy định.
- Thực hiện chế độ báo cáo đột xuất đối với các vấn đề bất thường hoặc phát sinh có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo Hội đồng quản trị kịp thời nắm bắt và chỉ đạo xử lý.

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Căn cứ quy định hiện hành thì việc thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị là không bắt buộc. Vì vậy, cho đến thời điểm này Hội đồng quản trị chưa thành lập các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp, nghị quyết, quyết định của HĐQT

Trong năm 2025, HĐQT Công ty đã tổ chức tổng cộng 07 cuộc họp, các cuộc họp đều được thực hiện đúng trình tự, thủ tục, cung cấp tài liệu họp đầy đủ, đảm bảo thời gian theo quy định, tuân thủ các quy định của Điều lệ Công ty và Pháp luật. Trong từng phiên họp, các thành viên Hội đồng quản trị đã thực hiện nghiên cứu, thảo luận, đóng góp ý kiến đối với các báo cáo từ Ban Điều hành trên cơ sở đánh giá tình hình kinh tế vĩ mô, tình hình thị trường tài chính, tiền tệ và đưa ra các kết luận thông qua từng nội dung theo nguyên tắc đa số, được ghi nhận chi tiết tại Biên bản cuộc họp và ban hành Nghị quyết kết luận từng phiên họp trên tinh thần đảm bảo lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.



Nghị quyết của Hội đồng quản trị

Số Nghị quyết	Ngày ban hành	Nội dung
102/NQ-HĐQT	16/01/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 1 năm 2025
103/NQ-HĐQT	16/01/2025	Nghị quyết về Kế hoạch tổ chức và các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
277/NQ-HĐQT	03/03/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 2 năm 2025
02/NQ-HĐQT	26/03/2025	Nghị quyết về việc Quyết toán quỹ tiền lương thực hiện năm 2024
03/NQ-HĐQT	31/03/2025	Nghị quyết về việc Miễn nhiệm Tổng giám đốc Công ty và giao nhiệm vụ thực hiện Quyền Tổng giám đốc Công ty
04/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết về Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
05/NQ-HĐQT	02/4/2025	Nghị quyết họp Hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 3 năm 2025
06/NQ-HĐQT	09/04/2025	Nghị quyết về việc Chủ trương lựa chọn nhà thầu - Gói thầu Khảo sát, lập báo cáo đánh giá tính khả thi - Dự án Nhà máy Điện sinh khối Cần Thơ
07/NQ-HĐQT	14/04/2025	Nghị quyết về việc Thông qua Hồ sơ đề cử ứng viên tham gia ứng cử HĐQT, BKS
09/NQ-HĐQT	05/05/2025	Nghị quyết về việc Phê duyệt các công việc còn lại, các công việc phát sinh trong giai đoạn thực hiện và kết thúc của Dự án Xử lý gia cố hạ lưu bờ trái - Công trình Thủy điện Khe Bó
10/NQ-HĐQT	16/05/2025	Nghị quyết về Chi trả cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 2% bằng tiền
11/NQ-HĐQT	14/07/2025	Nghị quyết họp hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 5 năm 2025
12/NQ-HĐQT	27/08/2025	Nghị quyết họp hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 6 năm 2025
13/NQ-HĐQT	09/10/2025	Nghị quyết họp hội đồng quản trị - Cuộc họp lần thứ 7 năm 2025

Quyết định của Hội đồng quản trị

Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
37/QĐ-HĐQT	07/01/2025	Phê duyệt Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025
83/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Ban hành Quy chế Công tác Đầu tư Xây dựng trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
84/QĐ-HĐQT	15/01/2025	Chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch Dự án nhà máy thủy điện Nậm Má - tỉnh Hà Giang
146/QĐ-VNPD	24/01/2025	Thông qua chủ trương bán chứng chỉ năng lượng tái tạo (I-REC) Nhà máy Thủy điện Khe Bố
157/QĐ-VNPD	05/02/2025	Thành lập tổ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT Công ty
173/QĐ-HĐQT	10/02/2025	Về việc bổ sung phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Phòng Kiểm toán nội bộ - Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
193/QĐ-HĐQT	17/02/2025	Áp dụng thang bảng lương đối với Người quản lý và mức lương cơ sở mới của EVN trong việc thực hiện đóng nộp các chế độ BHXH, BHYT, BHTN & KPCĐ
02/QĐ-HĐQT	25/03/2025	Phê duyệt Chương trình quản trị rủi ro tổng thể năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
03/QĐ-HĐQT	31/03/2025	Miễn nhiệm chức vụ Tổng giám đốc Công ty
04/QĐ-HĐQT	31/03/2025	Giao thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng giám đốc Công ty
06/QĐ-HĐQT	02/04/2025	Thành lập Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
05/QĐ-HĐQT	02/04/2025	Triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025
07/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng - Gói thầu: Thi công xây dựng bổ sung xử lý gia cố hạ lưu bờ trái - Công trình: Thủy điện Khe Bố
08/QĐ-HĐQT	04/04/2025	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu qua mạng của gói thầu Xây dựng hệ thống nước sinh hoạt, thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu Nước sinh hoạt Nhà máy thủy điện Khe Bố, thuộc dự án Nước sinh hoạt - Nhà máy thủy điện Khe Bố
09/QĐ-HĐQT	08/04/2025	Thành lập Ban Kiểm tra Tư cách cổ đông

Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
12/QĐ-HĐQT	09/04/2025	Thành lập Quỹ phát triển Khoa học & Công nghệ; ban hành Điều lệ tổ chức hoạt động Quỹ phát triển Khoa học và công nghệ trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
10/QĐ-HĐQT	09/04/2025	Ban hành Quy chế Quản trị rủi ro trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
11/QĐ-HĐQT	09/04/2025	Phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Nâng cấp hệ thống điều khiển giám sát (DCS) và hệ thống điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) Nhà máy Thủy điện Bắc Bình
479/QĐ-VNPD	09/04/2025	Quyết định việc ban hành Chương trình tổng thể Công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
19/QĐ-HĐQT	25/04/2025	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty
18/QĐ-HĐQT	25/04/2025	Bổ nhiệm Tổng giám đốc Công ty
20/QĐ-HĐQT	28/04/2025	Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2024
21/QĐ-HĐQT	28/04/2025	Phê duyệt Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán
22/QĐ-HĐQT	28/04/2025	Phê duyệt kết quả chào bán chứng chỉ năng lượng tái tạo (I - REC) Nhà máy Thủy điện Khe Bố
23/QĐ-HĐQT	05/05/2025	Phê duyệt chiến lược phát triển của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2040
24/QĐ-HĐQT	05/05/2025	Phê duyệt Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng năm 2025
25/QĐ-HĐQT	09/05/2025	Về việc xếp lương làm căn cứ đóng nộp các chế độ BHXH đối với chức danh Tổng giám đốc Công ty
624/QĐ-VNPD	12/05/2025	Về việc thành lập Ban Chỉ đạo triển khai thực hiện phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
27/QĐ-HĐQT	15/05/2025	Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
26/QĐ-HĐQT	15/05/2025	Phê duyệt kế hoạch hoạt động KHCN năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
28/QĐ-HĐQT	19/05/2025	Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu “Tư vấn kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam”
29/QĐ-HĐQT	21/05/2025	Phê duyệt bổ sung kế hoạch chi phí năm 2025 phục vụ cấp giấy phép môi trường Nhà máy Thủy điện Khe Bó
30/QĐ-HĐQT	30/05/2025	Về việc thông qua Chương trình xây dựng, sửa đổi bổ sung QCQLNB năm 2025
31/QĐ-HĐQT	30/05/2025	Về việc tạm trích Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
32/QĐ-HĐQT	09/06/2025	Điều chỉnh Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2025
33/QĐ-HĐQT	04/07/2025	Phê duyệt kết quả rà soát bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021-2026 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
34/QĐ-HĐQT	09/07/2025	Phê duyệt bổ sung Kế hoạch giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan của Công ty năm 2025
35/QĐ-HĐQT	24/07/2025	Dừng thực hiện nghiên cứu dự án Nhà máy Thủy điện Cột nước thấp Phú Thọ và quyết toán các chi phí đã thực hiện
36/QĐ-HĐQT	28/07/2025	Phê duyệt danh mục rủi ro trọng yếu năm 2025 và Thông số rủi ro - Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
38/QĐ-HĐQT	29/07/2025	Phê duyệt chi phí hỗ trợ đợt 1 các xã bị ảnh hưởng do bão số 3 tại tỉnh Nghệ An
1067/QĐ-VNPD	08/08/2025	Chấp thuận giao dịch giữa VNPD với "Người có liên quan"
39/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Phê duyệt bổ sung kế hoạch chi phí năm 2025 và phương án lựa chọn nhà thầu sửa chữa tuyến đường T3-2 Nhà máy Thủy điện Khe Bó
40/QĐ-HĐQT	03/09/2025	Thông qua Dự thảo Hợp đồng mua bán điện - Nhà máy Thủy điện Nậm Má
41/QĐ-HĐQT	05/09/2025	Sửa đổi, bổ sung Quy chế Công bố thông tin
42/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành (giai đoạn 2) - Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó
14/QĐ-HĐQT	14/10/2025	Điều chỉnh Kế hoạch năm 2025

Số Quyết định	Ngày ban hành	Nội dung
43/QĐ-HĐQT	28/10/2025	Phê duyệt Hồ sơ rủi ro trọng yếu năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
44/QĐ-HĐQT	30/10/2025	Phê duyệt bổ sung kế hoạch chi phí năm 2025 - Thay thế công tơ đo đếm điện tử 3 pha - Nhà máy Thủy điện Nậm Má
45/QĐ-HĐQT	05/11/2025	Chấp thuận giao dịch giữa VNPD với Người có liên quan - Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (DHD)
46/QĐ-HĐQT	05/11/2025	Ban hành Quy chế công tác mua sắm trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
47/QĐ-HĐQT	13/11/2025	Phê duyệt bổ sung kế hoạch chi phí năm 2025 - Hiệu chỉnh quy trình vận hành hồ chứa - Nhà máy Thủy điện Khe Bó
48/QĐ-HĐQT	13/11/2025	Ban hành Quy chế công tác lao động tiền lương trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
49/QĐ-HĐQT	19/11/2025	Ban hành Quy chế công tác lao động tiền lương trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
1735/QĐ-VNPD	27/11/2025	Quyết định về việc công nhận tập thể, cá nhân đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2025
50/QĐ-HĐQT	04/12/2025	Chấp thuận giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan (Công ty cổ phần EVN Quốc tế - EVNI)
51/QĐ-HĐQT	04/12/2025	Chương trình làm việc của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
52/QĐ-HĐQT	22/12/2025	Tạm phê duyệt Kế hoạch chi phí Sản xuất kinh doanh - Đầu tư xây dựng năm 2026 Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
53/QĐ-HĐQT	24/12/2025	Về việc phê duyệt Chương trình quản trị rủi ro tổng thể năm 2026của Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
54/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Phê duyệt quyết toán các chi phí đã thực hiện Dự án Nâng cấp, cải tạo tổng thể Nhà máy Thủy điện Nậm Má
55/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Quy định chế độ ăn giữa ca từ ngày 01/01/2026 trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
56/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Chấp thuận chủ trương điều chỉnh quy hoạch, nghiên cứu Dự án nhà máy thủy điện Nậm Má - tỉnh Tuyên Quang
57/QĐ-HĐQT	31/12/2025	Ban hành Quy chế về công tác sản xuất kinh doanh điện trong Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Bà Lê Mai Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	Bổ nhiệm 28/5/2022		
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên BKS Ctr	Bổ nhiệm 28/5/2022	33.500	0,03%
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 28/5/2022	7.342	0,007%
Ông Takashi Furuya	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 25/4/2025		
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên BKS	Bổ nhiệm 28/5/2022		
Ông Masahiro Yamaguchi	Thành viên BKS	Miễn nhiệm 25/4/2025		

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã tổ chức 03 cuộc họp. Thông qua các cuộc họp này, Ban kiểm soát đã tổ chức triển khai chương trình kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát, thảo luận và thống nhất các nội dung như sau:

- Cuộc họp ngày 20/3/2025 xem xét hồ sơ của các công ty kiểm toán và thống nhất danh sách Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 trình Đại hội đồng cổ đông năm 2025.
- Cuộc họp ngày 21/3/2025 về Kiểm soát tình hình hoạt động năm 2024 tại Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (Biên bản số 469/BB-BKS ngày 08/4/2025).
- Cuộc họp ngày 26/9/2025 về Kiểm soát tình hình hoạt động 6 tháng đầu năm 2025 tại Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (Biên bản số 1455/BB-BKS ngày 09/10/2025).



Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Các thành viên Ban Kiểm soát tham dự đầy đủ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025; đồng thời tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đóng góp ý kiến và xem xét tính phù hợp của các quyết định do HĐQT và Ban Tổng giám đốc ban hành trong công tác quản lý, điều hành, đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Ban Kiểm soát đã tổ chức 02 đợt kiểm tra, giám sát định kỳ tại Văn phòng Công ty nhằm đánh giá việc triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư xây dựng, đảm bảo phù hợp với định hướng, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và tuân thủ các quy định hiện hành.
- Thực hiện theo dõi thường xuyên tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh; giám sát các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty và các bên có liên quan; thẩm tra Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính bán niên năm 2025 đã được kiểm toán của Công ty, đảm bảo tính trung thực, hợp lý và minh bạch.
- Giám sát việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và các văn bản pháp lý liên quan, góp phần nâng cao tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của cổ đông, nhà đầu tư.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

Các thành viên Ban Kiểm soát luôn chủ động phối hợp, trao đổi thường xuyên với nhau cũng như với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và đội ngũ cán bộ quản lý nhằm kịp thời nắm bắt tình hình, tháo gỡ khó khăn và đề xuất các giải pháp phù hợp cho Công ty. Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã thực hiện kiểm tra, đánh giá tính hợp lý và tuân thủ trong hoạt động của Hội đồng quản trị; đồng thời giám sát việc tổ chức triển khai và thực hiện các nhiệm vụ của Ban Điều hành, đảm bảo phù hợp với nghị quyết đã được thông qua và quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

Các hoạt động khác của BKS

Trong năm 2025, Ban Kiểm soát đã tích cực tham gia đóng góp ý kiến đối với việc xây dựng, sửa đổi và ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty theo đề nghị lấy ý kiến. Các ý kiến góp ý tập trung vào việc đảm bảo tính phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Công ty và nâng cao hiệu quả công tác quản lý, điều hành.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD VÀ BKS

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban điều hành Công ty năm 2025

Họ và tên	Chức vụ	Số tháng làm việc	Tổng cộng (VNĐ)
Nguyễn Hoàng Đạo	CT HĐQT	12	841.501.000
Nguyễn Anh Tuấn	TV HĐQT - Tổng giám đốc (từ ngày 25/4/2025)	08	899.008.995
Ngô Quốc Huy	TV HĐQT (miễn nhiệm ngày 25/4/2025) - Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/3/2025)	04 tháng với chức danh TV HĐQT; 03 tháng với chức danh TGD	230.550.528
Nguyễn Đăng Khương	TV.HĐQT	12	139.768.400
Đỗ Đức Hùng	TV.HĐQT	12	139.768.400
Trần Văn Được	TV độc lập HĐQT	12	139.768.400
Nguyễn Loan	TV độc lập HĐQT	12	139.768.400
Phạm Đình Lê	Phó TGD	12	890.999.643
Nguyễn Tùng Phương	Phó TGD	12	878.491.895
Lê Mai Hạnh	Trưởng BKS	12	108.842.000
Nguyễn Minh Hải	TV BKS chuyên trách	12	698.842.000
Đinh Thị Diễm Quỳnh	TV.BKS	12	104.826.000
Nguyễn Văn Hùng	TV.BKS	12	104.826.000
Bùi Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	12	802.745.702



Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Người thực hiện giao dịch	Chức vụ/ Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số cổ phiếu	Tỷ lệ %	
Ông Trần Văn Được	Người nội bộ Công ty	70.700	0,0663%	140.000	0,1313%	Mua CP
Nguyễn Minh Hải	Người nội bộ của Công ty	25.000	0.02%	33.500	0,03%	Mua CP
Trần Thị Minh Trung	Người nội bộ của Công ty	0	0%	1.900	0,00%	Mua CP

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết các hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ được thể hiện tại Phụ lục 2: Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của Công ty, hoặc giữa Công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ ban hành kèm theo Báo cáo tình hình quản trị năm 2024 của Công ty và văn bản công bố thông tin số 370/VNPD-VP.HĐQT ngày 26/3/2025.

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) - (Công ty mua bán điện)	EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079 (Cấp ngày 26/05/1998)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Mua bán điện NMTĐ Bắc Bình
					08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Mua bán điện NMTĐ Bắc Bình (Điện năng nhận)
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) - (Công ty mua bán điện)	EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079 (Cấp ngày 26/05/1998)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Mua bán điện NMTĐ Khe Bố
					08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Mua bán điện NMTĐ Khe Bố (Điện năng nhận)
Tổng công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC)- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0105946605 (Cấp ngày 17/07/2012)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Mua bán điện NMTĐ Nậm Má
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2)	PECC2 là đơn vị liên kết EVN (EVN nắm giữ trên 50% cổ phần); EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0300420157 (Cấp ngày 29/10/2007)	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày25/4/2025 1067/QĐ-VNPD ngày 08/8/2025	Thi công xây dựng bổ sung hệ thống quan trắc thấm trong thân đập thủy điện Bắc Bình
Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4)	PECC4 là đơn vị liên kết EVN (EVN nắm giữ trên 50% cổ phần); EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	4200385474 (Cấp ngày 25/10/1999)	Số 11 Hoàng Hoa Thám, Phường Nha Trang, Tỉnh Khánh Hoà	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Khảo sát, lập báo cáo đánh giá tính khả thi Dự án: Nhà máy điện sinh khối Cần Thơ
Công ty Điện lực Hà Giang (PC Hà Giang) - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc	PC Hà Giang là đơn vị trực thuộc EVNNPC; EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100417-014	Đường Lê Lợi, tổ dân phố Hưng Thành 8, Phường An Tường, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Quản lý vận hành trạm biến áp 31,5kVA-22/0,4kV và đường dây 22kV cấp điện cho cụm công trình đầu mối -Nhà máy thủy điện Nậm Má
Công ty Điện lực Bình Thuận (PC Bình Thuận)	PC Bình Thuận/Lâm Đồng là đơn vị trực thuộc EVNSPC; EVNSPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0300942001-013	Số 02, Hùng Vương, Phường Xuân Hương - Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Quản lý vận hành tuyến đường dây 110kV Bắc Bình- Đại Ninh và 02 cột xuất tuyến Nhà máy thủy điện Bắc Bình

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam (ETC2)	ETC2 là đơn vị trực thuộc EVNSPC; EVNSPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0300942001-009	22 Bis Phan Đăng Lưu, Phường Gia Định, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Kiểm định định kỳ công tơ đo đếm Nhà máy Thủy điện Bắc Bình năm 2025
					08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Thay thế công tơ đo đếm chính Nhà máy thủy điện Bắc Bình năm 2025
					08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Thí nghiệm mẫu dầu 02 máy biến áp 20MVA 11kV/115kV Nhà máy thủy điện Bắc Bình năm 2025
Công ty Điện lực Nghệ An (PC Nghệ An) - Chi nhánh Tổng công ty Điện lực miền Bắc	PC Nghệ An là đơn vị trực thuộc EVNNPC; EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100417-015 (Cấp ngày 26/9/1993)	Số 2, đường Duy Tân, Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Thuê vận hành đường dây 35kV nhánh rẽ thủy điện Khe Bốc - Nhà máy thủy điện Khe Bốc
Công ty Truyền tải điện 1 (PTC1)	PTC1 là đơn vị trực thuộc EVNNPT; EVNNPT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0102743068-005 (Cấp ngày 17/07/2008)	Số 15 Cửa Bắc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Cho thuê tài sản và trong coi bảo vệ thiết bị của NMTĐ Khe Bốc tại TBA 220kV Vinh và TBA 220kV Đô Lương
					08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Quản lý vận hành, bảo dưỡng và sửa chữa Đường dây 220kV Đấu nối vào HTĐ Quốc gia - NMTĐ Khe Bốc
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin (EVNICT) - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	EVNICT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100079-010 (Cấp ngày 05/12/2012)	Số 11, phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Cung cấp dịch vụ bảo dưỡng, bảo trì và vận hành giám sát kênh truyền kết nối tín hiệu cho Nhà máy thủy điện Bắc Bình về các Trung tâm Điều độ
					08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Quản lý, vận hành và bảo dưỡng thiết bị viễn thông phục vụ SCADA cho Nhà máy thủy điện Khe Bốc
Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty thủy điện Đại Ninh (ĐN)	ĐN là đơn vị trực thuộc EVNGENCO1; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	5701662152-002 (Cấp ngày 10/01/2013)	Thôn Ninh Hòa, Xã Ninh Gia, Tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Vận hành phát tuyến 110kV Đại Ninh - Bắc Bình tại ngăn lộ mở rộng trạm phân phối 110/220kV Đại Ninh
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc (NPCIT) - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC)	NPCIT là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100100417-041 (Cấp ngày 21/9/2005)	Số 11 phố Cửa Bắc, Phường Ba Đình, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Duy trì vận hành hệ thống đọc và truyền dữ liệu công tơ điện tử từ xa tại NMTĐ Nậm Má
Công ty Điện lực Thành Trì - Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội	Công ty Điện lực Thành Trì là đơn vị trực thuộc Tổng Công ty Điện lực thành phố Hà Nội (EVNHANOI); EVNHANOI là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0100101114-008 (Cấp ngày 21/11/2000)	Địa chỉ Thuế, Số nhà 06, ngõ 587 đường Tam Trinh, Phường Hoàng Mai, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Quản lý vận hành đường dây và trạm biến áp/ Cho thuê tài sản và trong coi bảo vệ thiết bị; Dịch vụ thí nghiệm, thử nghiệm, kiểm định các vật tư thiết bị. Mua bán điện sinh hoạt/ngoài sinh hoạt Khảo sát, thiết kế

Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung giao dịch
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện miền Bắc (ETC)-EVNNPC	ETC là đơn vị trực thuộc EVNNPC; EVNNPC là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là đơn vị trực thuộc EVN; EVNGENCO1 là cổ đông lớn sở hữu số cổ phần chiếm tỷ lệ 36,65% của VNPD	0105772525 (Cấp ngày 13/01/2012)	Số 465 Nguyễn Văn Linh, Phường Phúc Lợi, TP Hà Nội, Việt Nam	2025	1106/QĐ-VNPD ngày 06/8/2024	Kiểm định định kỳ công tơ đo đếm điện năng năm 2025 và kiểm tra mạch dòng, mạch áp của công tơ -Nhà máy thủy điện Khe Bố
Công ty cổ phần EVN Quốc tế (EVNI)	EVNGENCO1 sở hữu 26,05% cổ phần tại EVN INTERNATIONAL J.S.C; - Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sở hữu 19,30% cổ phần tại EVN INTERNATIONAL J.S.C; EVNGENCO1 đồng thời sở hữu 36,65% cổ phần tại VNPD; Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại sở hữu 10,61% cổ phần tại VNPD.	102379203	Lô số 91 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng	2025	50/QĐ-HĐQT ngày 04/12/2025	Giám sát lắp đặt hệ thống điều khiển giám sát (DCS) và hệ thống điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) NMTĐ Bắc Bình
Công ty cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi (ĐHĐ)	Thủy điệnDHD là Công ty cổ phần, trong đó Tổng Công ty Phát điện 1 (EVNGENCO1) là cổ đông lớn, sở hữu 99,97% tổng số cổ phần của DHD. EVNGENCO1 là cổ đông lớn của VNPD, sở hữu 36,65% tổng số cổ phần của VNPD.	5800452036	Số 80A, Trần Phú, phường B'Lao, tỉnh Lâm Đồng.	2025	45/QĐ-HĐQT ngày 05/11/2025	Cung cấp dịch vụ xử lý xâm thực Bánh xe công tác tổ máy H2 – NMTĐ Khe Bố
Công ty cổ phần Nhiệt Điện Phả Lại	Sở hữu 10,61% số cổ phần của Công ty	0800296853	Km28 Quốc lộ 18 Phường Chí Linh Thành phố Hải Phòng	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Nhận cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 2% bằng tiền
Tổng công ty Phát điện 1	Sở 36,65% số cổ phần của Công ty	5701662152	22 Dương Đình Nghệ, Phường Cầu Giấy, Hà Nội	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Nhận cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 2% bằng tiền
Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd	Sở hữu 30,05% số cổ phần của Công ty	CD4199	77 Robinson Road, #13-00, Singapore 068896	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Nhận cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 2% bằng tiền
Công đoàn Điện lực Việt Nam	Công đoàn Điện lực Việt Nam là Người có liên quan của Thành viên HĐQT Công ty	1632/QĐ -TLĐ	Tầng 22, Tòa nhà EVN, số 11 cửa Bắc, phường Ba Đình, Hà Nội	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Nhận cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 2% bằng tiền
Công đoàn Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam	Tổ chức chính trị, xã hội của Tổ chức niêm yết	149/QĐ - CĐĐVN	Tầng 2, CT2, 286 Nguyễn Xiển, Thanh Liệt, Hà Nội	2025	08/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/4/2025	Nhận cổ tức còn lại năm 2024 với tỷ lệ 2% bằng tiền

ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Quản trị quan hệ chất lượng

Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là đơn vị quản lý, vận hành 03 nhà máy phát điện; sản phẩm của Công ty là điện năng cung cấp cho đơn vị mua bán điện theo quy định. Hoạt động sản xuất điện của Công ty tuân thủ nghiêm các quy định của Luật Điện lực và các tiêu chí về chất lượng điện năng theo Thông tư số 30/2019/TT-BCT ngày 18/11/2019 của Bộ Công Thương.

Các nhà máy điện trước khi đưa vào vận hành thương mại đều được nghiệm thu bởi cơ quan chức năng, đảm bảo đáp ứng đầy đủ yêu cầu kỹ thuật để đấu nối vào hệ thống điện quốc gia. Chất lượng điện năng phát lên lưới được kiểm soát theo các tiêu chí cơ bản như điện áp, tần số; các tổ máy có khả năng vận hành ổn định trong dải hệ số công suất từ 0,85 (phát công suất phản kháng) đến 0,9 (nhận công suất phản kháng).

Đối với các nhà máy có công suất trên 30MW, Công ty đã đầu tư hệ thống điều khiển, hệ thống AGC và các trang thiết bị cần thiết nhằm đảm bảo khả năng kết nối ổn định, đáp ứng yêu cầu điều độ của đơn vị vận hành hệ thống điện và thị trường điện theo quy định kỹ thuật hiện hành.

Trong công tác cung cấp điện, Công ty luôn chấp hành nghiêm túc kế hoạch và chỉ đạo của EVN và EVNGENCO1, đảm bảo sản lượng và chất lượng điện năng theo yêu cầu kỹ thuật. Đồng thời, Công ty thường xuyên cải tiến, nâng cấp thiết bị vận hành và hệ thống điều khiển theo hướng hiện đại, tin cậy, nhằm nâng cao hệ số khả dụng của tổ máy, đảm bảo vận hành an toàn, liên tục và hiệu quả.



Quản trị Công bố thông tin

Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam luôn tuân thủ đầy đủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và các quy định pháp luật có liên quan đối với công ty đại chúng.

Trong năm 2025, Công ty đã thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định hiện hành, đảm bảo tính minh bạch, chính xác và đúng thời hạn. Nhờ việc tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin, Công ty không phát sinh vi phạm và không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

Kết quả trên thể hiện cam kết mạnh mẽ của Công ty trong việc tuân thủ pháp luật, nâng cao chất lượng quản trị và củng cố uy tín, niềm tin đối với cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan.



CHƯƠNG VII

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG





GIỚI THIỆU BÁO CÁO

Báo cáo phát triển bền vững năm 2025 của Công ty cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam được tích hợp trong Báo cáo thường niên 2025 nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, trọng tâm và tránh trùng lặp cho cổ đông và các bên liên quan. Báo cáo thể hiện cam kết của Công ty trong việc gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh tế với trách nhiệm đối với môi trường, xã hội và cộng đồng.

Mục tiêu báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững được xây dựng nhằm giúp nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan tiếp cận thông tin về chiến lược phát triển và hoạt động của VNPD dưới góc độ bền vững. Nội dung báo cáo tập trung phản ánh định hướng, chủ trương và các chính sách của Công ty liên quan đến quản trị doanh nghiệp, môi trường, người lao động, cộng đồng và các bên liên quan khác, qua đó thể hiện trách nhiệm và cam kết phát triển dài hạn của Công ty.

Phạm vi báo cáo

Báo cáo này được lập trong phạm vi hoạt động của Công ty trên lãnh thổ Việt Nam. Thông tin dữ liệu trong báo cáo được cập nhật cho năm tài chính 2025, bắt đầu từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025.

Căn cứ lập báo cáo

Báo cáo được xây dựng trên cơ sở tuân thủ hướng dẫn lập Báo cáo thường niên theo Thông tư 96/2020/TT-BTC; đồng thời tham khảo hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và IFC, cũng như bộ tiêu chuẩn báo cáo phát triển bền vững của Global Reporting Initiative (GRI).

Địa chỉ liên hệ

Mọi ý kiến đóng góp liên quan đến vấn đề phát triển bền vững, xin Quý vị vui lòng gửi về địa chỉ:

Công ty cổ phần Phát triển Điện Lực Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, Phường Thanh Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.2213 1580

Fax: 024.3552 7987

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Ban Lãnh đạo Công ty nhận thức sâu sắc rằng, một doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi đảm bảo sự hài hòa giữa ba yếu tố cốt lõi: hiệu quả kinh tế, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường. Sự cân bằng giữa các yếu tố này là nền tảng tạo nên sự ổn định và năng lực tăng trưởng dài hạn. Việc thiếu hụt hoặc xem nhẹ bất kỳ yếu tố nào đều có thể làm suy giảm giá trị và ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong những năm qua, bên cạnh việc hoàn thành các mục tiêu tài chính và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam luôn kiên định theo đuổi chiến lược phát triển gắn liền với trách nhiệm đối với xã hội và môi trường. Công ty chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước; minh bạch thông tin với cổ đông; đồng thời tích cực tham gia các hoạt động vì cộng đồng tại địa phương nơi có dự án.



VNPD cam kết duy trì sự cân bằng giữa lợi ích doanh nghiệp và lợi ích của các bên liên quan, hướng tới mục tiêu tạo ra giá trị bền vững, lâu dài cho cổ đông, khách hàng, người lao động, xã hội và xác định phát triển bền vững là định hướng xuyên suốt trong chiến lược dài hạn, với các mục tiêu trọng tâm như sau:

Đối với trình độ phát triển

Công ty định hướng không ngừng nâng cao năng lực quản trị và vận hành theo các chuẩn mực tiên tiến, từng bước tiệm cận thông lệ tốt trên thị trường. Việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, hiện đại hóa hệ thống sản xuất và quản lý được xem là giải pháp trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Đồng thời, Công ty xây dựng mô hình phát triển linh hoạt, chủ động thích ứng với những biến động của môi trường kinh doanh và xu thế hội nhập toàn cầu.

Đối với văn hóa doanh nghiệp

Công ty luôn xác định việc xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả là một trong những nền tảng quan trọng cho sự phát triển bền vững. Trên cơ sở đó, Công ty không ngừng thúc đẩy tinh thần đổi mới, sáng tạo trong toàn hệ thống. Văn hóa doanh nghiệp được hình thành và phát triển dựa trên các giá trị cốt lõi là đoàn kết, hợp tác và trách nhiệm, qua đó tạo động lực để mỗi cán bộ, nhân viên phát huy năng lực, đóng góp tích cực vào mục tiêu phát triển chung. Đồng thời, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp được chú trọng triển khai đồng bộ, góp phần xây dựng hình ảnh và bản sắc doanh nghiệp ổn định, bền vững trong dài hạn.

Đối với người lao động

Công ty cam kết bảo đảm môi trường làm việc an toàn, ổn định và thân thiện; không ngừng cải thiện điều kiện lao động, thu nhập và các chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật. Các chương trình đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao trình độ, tay nghề và năng lực quản lý, qua đó tạo điều kiện phát triển nghề nghiệp bền vững cho người lao động.



Đối với cổ đông

Công ty hướng tới mục tiêu gia tăng giá trị bền vững và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo lợi ích hài hòa giữa tăng trưởng và quản trị rủi ro. Việc duy trì các giá trị cốt lõi, thực hiện quản trị minh bạch và tuân thủ pháp luật là nền tảng để củng cố niềm tin và sự gắn kết lâu dài với cổ đông.

Đối với cộng đồng xã hội

Công ty cam kết đồng hành cùng sự phát triển kinh tế – xã hội của địa phương và đất nước thông qua việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội. Đồng thời, Công ty triển khai các giải pháp bảo vệ môi trường, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên, hướng tới mô hình sản xuất xanh, sạch, góp phần thúc đẩy phát triển bền vững.

Với định hướng chiến lược rõ ràng và nhất quán, Công ty không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, gia tăng giá trị doanh nghiệp và đóng góp thiết thực cho cộng đồng. Vị thế trên thị trường từng bước được củng cố thông qua hoạt động

quản trị hiệu quả, vận hành an toàn và bảo đảm tính minh bạch trong mọi hoạt động.

Công ty tiếp tục kiên định mục tiêu phát triển bền vững, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp, người lao động, cổ đông và xã hội. Trên cơ sở đặt con người và trách nhiệm xã hội làm trọng tâm, Công ty hướng tới xây dựng nền tảng tăng trưởng ổn định, lâu dài, tạo dựng giá trị bền vững cho các bên liên quan.

ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

Đánh giá liên quan đến các vấn đề người lao động

Nhận thức rõ người lao động là nguồn lực quan trọng đối với sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, Ban Lãnh đạo Công ty luôn xác định phát triển nguồn nhân lực, bảo đảm môi trường làm việc an toàn và từng bước nâng cao thu nhập cho cán bộ, nhân viên là nhiệm vụ trọng tâm trong chiến lược phát triển.

Trong năm 2025, Công ty thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật và quy chế nội bộ; đồng thời tiếp tục cải thiện chế độ đãi ngộ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, không phát sinh khiếu nại, tranh chấp lao động.

Chính sách tiền lương, thưởng và phúc lợi được triển khai theo nguyên tắc minh bạch, công bằng, gắn với kết quả đánh giá hiệu quả công việc thể hiện bằng việc Công ty đã ban hành Quy chế lao động tiền lương mới và sửa đổi quy định về phân phối tiền

lương. Công ty áp dụng cơ chế ghi nhận thành tích rõ ràng; thực hiện xét tăng lương định kỳ và thưởng theo năng suất, qua đó khuyến khích tinh thần trách nhiệm và sự gắn bó lâu dài của người lao động. Bên cạnh đó, các chính sách phúc lợi tiếp tục được duy trì và hoàn thiện nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, nhân viên.

Công ty thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; bảo đảm chi trả đầy đủ các chế độ ốm đau, thai sản và các chế độ khác theo quy định. Ngoài các quyền lợi theo luật định, Công ty duy trì một số chính sách phúc lợi bổ sung như: trợ cấp hiếu hỉ, kết hôn; thăm hỏi ốm đau; tổ chức sinh nhật; khám sức khỏe định kỳ; chương trình khuyến học dành cho con em cán bộ, công nhân viên. Qua đó, góp phần xây dựng môi trường làm việc nhân văn, ổn định và bền vững.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm qua, song song với hoạt động sản xuất kinh doanh, tập thể lãnh đạo và cán bộ, nhân viên VNPD chú trọng thực hiện công tác an sinh xã hội. Năm 2025, Công ty tiếp tục duy trì và mở rộng các hoạt động hỗ trợ cộng đồng; kịp thời hỗ trợ các địa phương bị ảnh hưởng bởi thiên tai; ủng hộ quỹ khuyến học, hoạt động đền ơn đáp nghĩa; chất độc da cam; hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn; đóng góp xây dựng các công trình công cộng; lắp camera AI đảm bảo an ninh địa phương; thả cá giống xuống hồ thủy điện tạo nguồn thủy sản. Thông qua các chương trình thiết thực này,

Công ty góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân tại các địa phương nơi đơn vị hoạt động. Các nhà máy thủy điện trực thuộc VNPD không chỉ tạo việc làm và thu nhập ổn định cho lao động địa phương mà còn góp phần điều tiết nguồn nước phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy lợi và sinh hoạt của người dân vùng hạ du, đặc biệt trong mùa khô, qua đó hỗ trợ bảo đảm an ninh nguồn nước và ổn định đời sống dân sinh.

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực năng lượng tái tạo từ nguồn nước, các nhà máy thủy điện của VNPD góp



Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của công tác bảo vệ môi trường, Ban Lãnh đạo Công ty luôn đề cao trách nhiệm và quán triệt đến toàn thể cán bộ, nhân viên việc tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về môi trường trong mọi hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty cam kết kiểm soát chặt chẽ các nguồn phát thải, giảm thiểu tối đa tác động tiêu cực đến hệ sinh thái, hạn chế ô nhiễm và tuyệt đối không để xảy ra các hành vi vi phạm quy định về môi trường.

Để hiện thực hóa cam kết này, Công ty phân công rõ trách nhiệm cho từng phòng ban trong việc triển khai và giám sát thực hiện chính sách môi trường; đồng thời khuyến khích đề xuất các sáng kiến cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm phát thải, nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên và cải thiện điều kiện môi trường làm việc. Công tác tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức được duy trì thường xuyên, hướng tới hình thành thói quen và hành vi làm việc thân thiện với môi trường trong toàn hệ thống.

Đối với các dự án đầu tư hiện hữu và định hướng trong tương lai, Công ty ưu tiên áp dụng tiêu chuẩn xanh, lựa chọn công nghệ tiên tiến và trang bị hệ thống xử lý chất thải đồng bộ, đáp ứng các yêu cầu nghiêm ngặt về bảo vệ môi trường. Thông qua cách tiếp cận chủ động và chiến lược phát triển bền vững, Công ty không chỉ đảm bảo hiệu quả sản xuất kinh doanh mà còn góp phần phát triển hài hòa giữa lợi ích kinh tế và trách nhiệm đối với xã hội và môi trường.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất sản phẩm chính của tổ chức trong năm
Do đặc thù Công ty là đơn vị sản xuất thủy điện, do đó nguồn nguyên liệu chính để sản xuất là nước. Cụ thể trong năm 2025, lượng nước tiêu thụ để sản xuất điện năng của Công ty như sau:

- Nguồn cung cấp nước: Hồ chứa Khe Bốc - Sông Lam - tỉnh Nghệ An; Hồ chứa Bắc Bình - Sông Lũy - tỉnh Lâm Đồng; Suối Nậm Má - tỉnh Tuyên Quang.
- Lượng nước sử dụng/năm:

Đơn vị sử dụng	Khối lượng sử dụng
Nhà máy thủy điện Khe Bốc	8.755,70 tr. m3
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	750,18 tr.m3
Trạm thủy điện Nậm Má	60,57 tr. m3
Tổng cộng	9.566,45 tr m3

Báo cáo tỷ lệ phân trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có
Tỷ lệ % và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp năm 2025

Đơn vị sử dụng	Khối lượng sử dụng
Nhà máy thủy điện Khe Bốc	2.824.000 kWh
Nhà máy thủy điện Bắc Bình	1.690.000 kWh
Nhà máy thủy điện Nậm Má	114.000 kWh
Tổng cộng	4.628.000 kWh

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: Không có

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không có

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Nhận thức rõ vai trò then chốt của công tác bảo vệ môi trường trong quá trình phát triển kinh tế – xã hội, Công ty luôn xem trách nhiệm môi trường là một trong những trụ cột của chiến lược phát triển bền vững. Ban Lãnh đạo thường xuyên rà soát, hoàn thiện và tổ chức thực hiện nghiêm túc các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh tuân thủ đúng quy định của pháp luật, đồng thời hướng tới mục tiêu xây dựng môi trường làm việc xanh – sạch – an toàn. Năm 2024 - 2025, Công ty đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép môi trường (GPMT) cho 03 Nhà máy trực thuộc và Công ty đang vận hành tốt GPMT theo đúng quy định của pháp luật. Công ty chấp hành đầy đủ các nghĩa vụ tài chính liên quan đến môi trường như nộp thuế môi trường rừng, thuế tài nguyên nước và các khoản phí theo quy định, góp phần vào công tác quản lý, bảo vệ và phát triển tài nguyên thiên nhiên. Bên cạnh đó, Công ty thực hiện nghiêm các quy định về an toàn đập và vận hành hồ chứa; tuân thủ chặt chẽ quy trình vận hành liên hồ theo quy định của cơ quan

chức năng, đảm bảo công trình hoạt động ổn định, không gây ảnh hưởng tiêu cực đến hệ sinh thái và đời sống người dân khu vực hạ du.

Công tác kiểm soát môi trường lao động được chú trọng thông qua việc áp dụng các biện pháp hạn chế phát thải, sử dụng công nghệ thân thiện với môi trường và duy trì điều kiện làm việc đạt tiêu chuẩn an toàn, không ảnh hưởng đến sức khỏe người lao động. Đồng thời, Công ty chủ động triển khai nhiều sáng kiến như sử dụng tài nguyên tiết kiệm, nâng cao hiệu quả năng lượng, tái chế và xử lý chất thải đúng quy định nhằm giảm thiểu tối đa tác động đến môi trường.

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh vi phạm và không bị xử phạt liên quan đến lĩnh vực môi trường, thể hiện cam kết nghiêm túc trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội. Kết quả này góp phần củng cố uy tín, khẳng định định hướng phát triển hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và trách nhiệm bảo vệ môi trường của Công ty.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường cũng như cố gắng tham gia các hoạt động của cộng đồng địa phương, đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội tại địa phương. Cụ thể trong năm 2025, Công ty đã thực hiện như sau:

- Nộp thuế tài nguyên nước : 68,14 tỷ đồng
- Nộp phí dịch vụ môi trường rừng : 21,25 tỷ đồng
- Quyền khai thác nước mặt : 6,62 tỷ đồng



Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Số lao động bình quân trong năm: 135 lao động (bao gồm cả người Quản lý chuyên trách tại Công ty);

STT	Chỉ tiêu lao động tiền lương	ĐVT	KH 2025	TH 2025	(%) TH
I	Lao động bình quân		135	134	99,27
1	HĐQT, BKS	Người	10	10	100
2	Người lao động, BĐH	Người	125	124	99,20
II	Tiền lương, thù lao				
1	HĐQT, BKS	Triệu	1.791,546	2.557,679	142,76
1.1	Tiền lương, thù lao	Triệu	1.704,240	2.557,679	150,1
1.2	Chế độ ATĐ HĐQT C/trách	Triệu	87,306		0
2	Người lao động, BĐH	Triệu	44.657,866	58.502,049	131,0
2.1	Tiền lương	Triệu	39.772.494	58.502,049	131,0
2.2	Chế độ ATĐ	Triệu	4.885,372		

- Quỹ tiền lương thù lao thực hiện năm 2025 của HĐQT, BKS đạt 142,76% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt.
- Quỹ tiền lương thực hiện năm 2025 của NLĐ, BĐH đạt 131,0% so với kế hoạch được ĐHĐCĐ thường niên phê duyệt.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

Nhận thức rõ tầm quan trọng của công tác bảo đảm sức khỏe, an toàn, vệ sinh lao động và phúc lợi đối với người lao động, Công ty luôn đặt yếu tố con người ở vị trí trung tâm trong chiến lược phát triển. Ban Lãnh đạo xác định việc xây dựng môi trường làm việc an toàn, ổn định, nhân văn là nền tảng cho tăng trưởng bền vững; qua đó triển khai đồng bộ nhiều chính sách thiết thực nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của Bộ luật Lao động và Luật An toàn, vệ sinh lao động.

Công ty đã xây dựng và ban hành đầy đủ hệ thống quy trình, quy định về an toàn, vệ sinh lao động; Nội quy lao động; Thỏa ước lao động tập thể; đồng thời triển khai chương trình 5S trong quản lý và tổ chức nơi làm việc. Các văn bản và chương trình này được phổ biến, quán triệt đến toàn thể cán bộ, công nhân viên, góp phần nâng cao ý thức tuân thủ, tinh thần trách nhiệm và hình thành tác phong làm việc chuyên nghiệp, an toàn. Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động được thực hiện nghiêm túc thông qua chương trình khám sức khỏe định kỳ hằng năm: 01 lần/năm đối với khối văn phòng và 02 lần/năm đối với khối trực tiếp sản xuất. Việc theo dõi sức khỏe thường xuyên giúp người lao động kịp thời phát hiện, phòng ngừa và điều trị các vấn đề phát sinh, bảo đảm duy trì thể trạng phù hợp với yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó, Công ty trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật hiện hành cho đội ngũ vận hành tại các nhà máy và công trường; đồng thời thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động, phòng cháy, chữa cháy và ứng phó tình huống khẩn cấp. Các hoạt động này góp phần giảm thiểu rủi ro tai nạn lao động, nâng cao kỹ năng xử lý sự cố và bảo đảm an toàn trong quá trình làm việc.

Song song với các chính sách an toàn, Công ty triển khai cơ chế tiền lương, tiền thưởng và phúc lợi bảo đảm nguyên tắc công bằng, minh bạch, phù hợp quy định pháp luật và quy chế nội bộ. Chính sách đãi ngộ hợp lý, chú trọng đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm và chuyên môn cao, góp phần thu hút, giữ chân nhân tài, bảo đảm sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.



Hoạt động đào tạo người lao động

Bên cạnh các chính sách về an toàn và phúc lợi, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xác định đây là giải pháp then chốt nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập ngày càng sâu rộng. Công tác đào tạo được xây dựng theo kế hoạch hằng năm, gắn với nhu cầu thực tiễn của từng đơn vị và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

Về thời lượng đào tạo, Công ty duy trì số giờ đào tạo bình quân phù hợp, phân bổ theo từng nhóm nhân sự, bảo đảm mọi cán bộ, công nhân viên (CBCNV) đều có cơ hội tham gia học tập, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng. Nội dung đào tạo được thiết kế linh hoạt, đáp ứng yêu cầu chuyên môn của từng vị trí việc làm, đồng thời tạo điều kiện để người lao động phát triển toàn diện, nâng cao năng lực chuyên môn và khả năng cạnh tranh.

Trong năm 2025, Công ty đã triển khai nhiều chương trình đào tạo ngắn hạn, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV tham gia các chương trình bồi dưỡng do EVN, EVNGENCO1 và các cơ quan liên quan tổ chức. Nội dung đào tạo bao gồm: Ứng dụng ChatGPT; chuẩn hóa dữ liệu và ứng dụng AI trong công việc; quản trị rủi ro trọng yếu, nghiệp vụ kiểm toán nội bộ thực hành chuyên sâu chuẩn Quốc tế; nâng cao nghiệp vụ tài chính kế toán, tiền lương, quản lý nhân sự, văn hóa doanh nghiệp; công tác bảo vệ môi trường; công tác bảo mật thông tin; ứng dụng AI và công cụ phân tích dữ liệu trong công việc; đào tạo giao tiếp, cấu hình, thí nghiệm hệ thống rơle bảo vệ hãng ABB, quản lý vật tư, đào tạo người điều phối RCM2 cho các đơn vị thủy điện, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng nghề nghiệp chuyên ngành thủy văn, nâng cao kỹ năng hàn áp lực, hàn điện, hàn khí.... Ngoài ra còn tổ chức những đoàn học tập với các đơn vị trong ngành như với Công ty cổ phần thủy điện ĐHĐ, Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn và đoàn công tác tìm hiểu công nghệ điện Sinh khối tại Nhật với Tập đoàn Tepco RP.

Thông qua các chương trình đào tạo nêu trên, Công ty từng bước xây dựng đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn vững vàng, kỹ năng quản lý hiệu quả và khả năng thích ứng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

CHƯƠNG VIII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2025



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

(đã được kiểm toán)



Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 38
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp ngày 03 tháng 06 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Đăng Khương	Thành viên	
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên	
Ông Yoshiyuki Ueda	Thành viên	
Ông Naruomi Samejima	Thành viên	
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Ông Trần Văn Được	Thành viên độc lập	
Ông Nguyễn Loãn	Thành viên độc lập	
Ông Ngô Quốc Huy	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Ông Ngô Quốc Huy	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2025)
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc	(Phó Tổng Giám đốc, Thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc từ ngày 31/03/2025 đến ngày 25/04/2025)
Ông Nguyễn Tùng Phương	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này là:

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025) là người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 06 tháng 05 năm 2025.

Ông Ngô Quốc Huy - Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31 tháng 03 năm 2025) là người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày 06 tháng 05 năm 2025.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Mai Hạnh	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên	
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên	
Ông Takashi Furuya	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)
Ông Masahiro Yamaguchi	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2025)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc


Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026



Số: 100326.015/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 03 năm 2026, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 26 tháng 03 năm 2025.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0777-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0762-2023-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		501.640.246.140	322.687.591.844
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	280.620.629.431	221.236.483.252
111	1. Tiền		45.620.629.431	61.236.483.252
112	2. Các khoản tương đương tiền		235.000.000.000	160.000.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		214.952.887.709	94.167.565.565
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	199.569.342.267	77.805.880.086
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	9.874.913.957	6.167.425.239
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	10.099.607.116	10.932.479.955
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(4.590.975.631)	(738.219.715)
140	III. Hàng tồn kho	8	5.649.145.609	6.779.350.589
141	1. Hàng tồn kho		5.649.145.609	6.779.350.589
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		417.583.391	504.192.438
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	403.257.931	503.596.314
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		690.805	596.064
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	13.634.655	60
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.279.054.951.008	1.415.193.894.847
220	I. Tài sản cố định		1.233.231.430.626	1.377.160.213.515
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	1.227.444.481.057	1.372.088.219.486
222	- Nguyên giá		3.530.527.835.098	3.522.168.277.193
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.303.083.354.041)	(2.150.080.057.707)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	5.786.949.569	5.071.994.029
228	- Nguyên giá		8.152.147.733	6.871.318.875
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.365.198.164)	(1.799.324.846)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		13.299.288.742	3.847.847.480
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	13.299.288.742	3.847.847.480
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	12	1.950.000.000	1.950.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.950.000.000	1.950.000.000
260	IV. Tài sản dài hạn khác		30.574.231.640	32.235.833.852
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	2.615.818.203	3.907.950.808
263	2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	14	27.958.413.437	28.327.883.044
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.780.695.197.148	1.737.881.486.691

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		156.238.521.216	334.547.197.187
310	I. Nợ ngắn hạn		155.614.069.560	314.547.197.187
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	29.398.235.610	14.681.923.957
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		102.460.000	102.460.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	39.064.355.683	31.419.514.955
314	4. Phải trả người lao động		20.600.941.459	11.228.064.911
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	225.722.979	8.529.341.396
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	36.930.042.513	183.764.505.072
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	20.000.000.000	58.760.387.751
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		9.292.311.316	6.060.999.145
330	II. Nợ dài hạn		624.451.656	20.000.000.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	-	20.000.000.000
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19	624.451.656	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.624.456.675.932	1.403.334.289.504
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.624.456.675.932	1.403.334.289.504
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		2.963.476.440	2.963.476.440
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.967.865.239	16.828.340.998
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		116.090.728.266	58.561.799.885
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		416.538.315.987	259.084.382.181
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		154.157.165.009	46.856.206.776
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		262.381.150.978	212.228.175.405
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.780.695.197.148	1.737.881.486.691

Nguyễn Hoàng Hà
Người lập biểu

Bùi Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH Năm 2025				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	695.890.668.724	586.228.643.980
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		695.890.668.724	586.228.643.980
11	3. Giá vốn hàng bán	24	308.913.695.506	275.105.948.451
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		386.976.973.218	311.122.695.529
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	25	3.454.009.822	2.656.601.699
22	6. Chi phí tài chính	26	4.806.637.868	10.894.330.069
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.902.491.257	9.531.782.341
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	57.784.171.834	43.937.277.730
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		327.840.173.338	258.947.689.429
31	9. Thu nhập khác	28	2.656.116.798	7.076.403.112
32	10. Chi phí khác	29	719.768.764	199.235.712
40	11. Lợi nhuận khác		1.936.348.034	6.877.167.400
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		329.776.521.372	265.824.856.829
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30	67.395.370.394	53.596.681.424
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		262.381.150.978	212.228.175.405
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.462	1.991


Nguyễn Hoàng Hà
Người lập biểu


Bùi Thị Thu Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ Năm 2025 (Theo phương pháp trực tiếp)				
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		632.740.740.795	740.417.712.382
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(27.168.344.738)	(19.427.563.649)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(45.200.191.173)	(42.465.213.079)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(3.946.365.561)	(9.953.980.156)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(64.707.227.100)	(42.137.427.481)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		576.384.300	269.147.902
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(193.157.352.013)	(155.672.806.911)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		299.137.644.510	471.029.869.008
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(16.766.209.159)	(2.852.927.721)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		433.594.935	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.417.169.566	1.724.874.956
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(12.915.444.658)	(1.128.052.765)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
34	1. Tiền trả nợ gốc vay		(58.760.387.751)	(89.166.666.671)
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(168.077.665.922)	(209.181.459.155)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(226.838.053.673)	(298.348.125.826)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		59.384.146.179	171.553.690.417
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		221.236.483.252	49.681.302.435
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	1.490.400
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	280.620.629.431	221.236.483.252


Nguyễn Hoàng Hà
Người lập biểu


Bùi Thị Thu Trang
Kế toán trưởng


Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2025

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp ngày 03 tháng 06 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 19 ngày 25 tháng 08 năm 2025.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội. Hiện nay, địa chỉ này đã được đổi thành Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 1.065.896.290.000 VND; tương đương 106.589.629 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là: 126 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là: 126 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất điện. Chi tiết: sản xuất điện (trừ xây dựng, vận hành điện đa mục tiêu, điện hạt nhân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng về kinh tế - xã hội);
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện làm việc ở môi trường không nguy hiểm về khí cháy và bụi nổ, có cấp điện áp từ 01kV đến 220kV.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Trong năm, do tình hình thủy văn thuận lợi, lượng nước về hồ thủy điện của Công ty cao hơn so với dự báo từ trước làm cho sản lượng điện thương phẩm tăng mạnh, dẫn đến doanh thu tăng 109.662.024.744 VND, tương ứng tăng 18,7% so với năm trước. Sản lượng điện thương phẩm tăng dẫn đến các chi phí biến đổi theo sản lượng tăng theo (thuế tài nguyên nước, phí dịch vụ môi trường rừng), trong khi các chi phí cố định khác biến động không đáng kể, đồng thời Công ty thực hiện công tác tối ưu hóa chi phí nên giá vốn chỉ tăng so với năm trước là 33.807.747.055 VND, tương ứng mức tăng 12,3%. Do mức tăng của doanh thu cao hơn mức tăng của chi phí nên lợi nhuận kế toán trước thuế tăng mạnh 63.951.664.543 VND, tương ứng tăng 24,1% so với năm trước.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty (Bao gồm cả Nhà máy Thủy điện Nậm Má)	Hà Nội	Sản xuất và bán điện
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Lâm Đồng	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bô	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm Tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Phân loại và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Ước tính phân bổ chi phí trả trước;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp;

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.5 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân giá quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Giá trị sản phẩm dở dang cuối năm tại Trung tâm tư vấn thiết kế là chi phí phát sinh tương ứng với khối lượng công việc tư vấn đã cung cấp nhưng chưa quyết toán.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty đã thực hiện tạm tăng nguyên giá tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Khe Bô đối với các tài sản đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2013 theo dự toán được phê duyệt. Năm 2018, trên cơ sở hướng dẫn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại văn bản số 706/EVN-TCKT ngày 09/02/2018, Công ty thực hiện điều chỉnh nguyên giá các tài sản cố định tại nhà máy này theo chi phí đầu tư xây dựng cơ bản thực tế bao gồm cả giá trị bồi thường, di dân và tái định cư đã thực hiện nhưng chưa nghiệm thu theo khối lượng thi công thực tế của từng hạng mục. Công ty đã thực hiện điều chỉnh nguyên giá các tài sản cố định của Nhà máy Thủy điện Khe Bô được quyết toán giai đoạn 1 theo giá trị quyết toán được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 1279/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2024 và quyết toán giai đoạn 2 theo giá trị quyết toán được Hội đồng quản trị phê duyệt tại Quyết định số 42/QĐ-HĐQT ngày 14/10/2025

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 46,4 năm
- Máy móc, thiết bị khác	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất	46,4 - 66 năm
- Phần mềm kế toán và TSCĐ vô hình khác	03 - 10 năm

2.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.12 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- Công cụ và dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng ghi nhận chi phí sản xuất kinh doanh trong năm như sau: (i) Phân bổ dần vào chi phí trong năm nhưng tối đa không quá 3 năm đối với những tài sản có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên; (ii) Ghi nhận toàn bộ một lần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm đối với những tài sản có giá trị dưới 30 triệu đồng.
- Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác của Công ty bao gồm như chi phí cấp phép khai thác sử dụng nước mặt, chi phí kiểm định an toàn đập,... được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo thời hạn cụ thể được thể hiện trên chứng từ liên quan.

2.14 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15 Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí đi dân và tái định cư và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo sổ vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.19 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 Giá vốn bán điện thương phẩm

Giá vốn bán điện thương phẩm là tổng chi phí phát sinh của sản lượng điện thương phẩm cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí trả khoản vay trước hạn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm: các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí khác.

2.23 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.24 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.25 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất điện năng, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Tiền mặt	343.888.000	243.950.900
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	45.276.741.431	60.992.532.352
Các khoản tương đương tiền (i)	235.000.000.000	160.000.000.000
	280.620.629.431	221.236.483.252

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng giá trị 235.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam với lãi suất 4,75%/năm.

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dư phòng	Giá trị	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	199.529.019.717	-	77.765.557.536	-
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	187.478.118.122	-	74.541.734.217	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	12.050.901.595	-	3.223.823.319	-
Bên khác	40.322.550	-	40.322.550	-
Các khách hàng khác	40.322.550	-	40.322.550	-
	199.569.342.267	-	77.805.880.086	-

(i) Khoản này và khoản nợ phải thu khác (mục (i) – Thuyết minh số 06) là khoản phải thu Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (EVNNPC) về tiền bán điện thương phẩm, thuế tài nguyên và phí cấp quyền khai thác nước mặt của Nhà máy Thủy điện Nậm Má. Do hợp đồng mua bán điện của Nhà máy thủy điện Nậm Má đã hết hạn vào ngày 22/5/2024 và đến nay Công ty và EVNNPC vẫn trong quá trình đàm phán giá mua bán điện mới nên Công ty đang tạm ghi nhận tiền bán điện theo sản lượng điện thương phẩm được EVNNPC xác nhận và giá tạm thời theo quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 của Bộ Công thương. Hiện nay, hai bên đang đàm phán để tiến tới ký hợp đồng mua bán điện mới chính thức.

5

TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	-	-	14.560.000	-
Công ty Điện lực Nghệ An - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	-	14.560.000	-
Bên khác	9.874.913.957	(4.590.975.631)	6.152.865.239	(738.219.715)
Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng huyện Tương Dương ⁽ⁱ⁾	544.553.335	(544.553.335)	632.564.235	-
Các khoản trả trước liên quan đến Ban quản lý dự án bồi thường, di dân và tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô ⁽ⁱⁱ⁾	4.558.497.992	(4.046.422.296)	5.281.288.114	(738.219.715)
Công ty CP Miền Tây Nghệ An	2.642.408.741	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Nam Trường Nguyên	527.498.960	-	-	-
Các người bán khác	1.601.954.929	-	239.012.890	-
	9.874.913.957	(4.590.975.631)	6.167.425.239	(738.219.715)

⁽ⁱ⁾ Là khoản ứng kinh phí hoạt động phục vụ công tác bồi thường giải phóng mặt bằng Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô theo Hợp đồng số 18/2007/HĐXD-VNPD ngày 20/08/2007 (trong đó có 544.553.335 VND phát sinh trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020) chưa được quyết toán.

⁽ⁱⁱ⁾ Là các công nợ của các nhà thầu theo bản giao của Ban quản lý Dự án bồi thường, di dân và tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô chưa được quyết toán.

6

PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi	186.746.576	-	150.794.520	-
Phải thu về tạm ứng	1.645.143.437	-	242.468.133	-
Tiền bán điện ⁽ⁱ⁾	7.832.104.114	-	9.991.587.997	-
Phải thu khác	435.612.989	-	547.629.305	-
	10.099.607.116	-	10.932.479.955	-
Trong đó: Bên liên quan				
Tổng Công ty Phát điện 1 (tạm ứng thù lao người đại diện vốn)	128.553.913	-	127.200.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc ⁽ⁱ⁾	7.832.104.114	-	9.991.587.997	-
	7.960.658.027	-	10.118.787.997	-

⁽ⁱ⁾ Khoản phải thu Tổng Công ty Điện lực miền Bắc (bên liên quan) về tiền cấp quyền khai thác nước mặt năm 2024 và tiền bán điện Nhà máy Thủy điện Nậm Má từ tháng 07/2024 đến tháng 12/2024.

7

NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Các nhà thầu thi công hạng mục tái định cư Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô	4.590.975.631	-	738.219.715	-
	4.590.975.631	-	738.219.715	-

8 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.807.072.725	-	3.748.263.569	-
Công cụ, dụng cụ	2.559.270.637	-	2.751.124.032	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	282.802.247	-	279.962.988	-
- Chi phí của Trung tâm Tư vấn thiết kế	282.802.247	-	279.962.988	-
	5.649.145.609	-	6.779.350.589	-

9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	403.257.931	503.596.314
	403.257.931	503.596.314
b) Dài hạn		
Quyền sử dụng đất có thời hạn, trả tiền một lần ⁽ⁱ⁾	746.565.111	766.788.091
Chi phí cấp phép khai thác nước mặt	836.459.049	979.629.995
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.032.794.043	2.161.532.722
	2.615.818.203	3.907.950.808

⁽ⁱ⁾ Chi phí quyền sử dụng đất trả tiền một lần tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có thời hạn 66 năm kể từ năm 2010, với diện tích sử dụng là 14.141m².

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

10 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc (i)	Máy móc, thiết bị (i)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (i)	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.843.460.423.063	1.657.337.987.738	15.368.537.837	6.001.328.555	3.522.168.277.193	
Mua trong năm	402.232.466	5.368.175.052	-	449.645.791	6.220.053.309	
Đầu tư XD CB hoàn thành	11.767.740.498	523.937.559	-	-	12.291.678.057	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.885.902.309)	(32.363.636)	(1.918.265.945)	
Giảm khác (ii)	(3.999.536.451)	(4.234.371.065)	-	-	(8.233.907.516)	
Số dư cuối năm	1.851.630.859.576	1.658.995.729.284	13.482.635.528	6.418.610.710	3.530.527.835.098	
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	980.326.800.985	1.154.328.066.561	10.591.583.953	4.833.606.208	2.150.080.057.707	
Khấu hao trong năm	79.871.008.816	73.483.528.750	957.889.464	609.135.249	154.921.562.279	
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.885.902.309)	(32.363.636)	(1.918.265.945)	
Số dư cuối năm	1.060.197.809.801	1.227.811.595.311	9.663.571.108	5.410.377.821	2.303.083.354.041	
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	863.133.622.078	503.009.921.177	4.776.953.884	1.167.722.347	1.372.088.219.486	
Tại ngày cuối năm	791.433.049.775	431.184.133.973	3.819.064.420	1.008.232.889	1.227.444.481.057	

(i) Trong đó bao gồm giá trị các hạng mục tài định cư công trình Nhà máy Thủy điện Khe Bô nhà thầu không xuất được hóa đơn do đã giải thể, đóng mã số thuế, không liên lạc được,... nhưng thực tế đã hoàn thành và đã được phê duyệt quyết toán là 11.764.025.180 VND, giá trị khấu hao tương ứng của các hạng mục này trong năm là 1.430.382.258 VND. Chi phí khấu hao này đã được loại bỏ khỏi chi phí khi tính thuế Thu nhập doanh nghiệp.

(ii) Điều chỉnh giảm nguyên giá TSCĐ Nhà máy Thủy điện Khe Bô do rà soát, điều chỉnh lại giá trị ghi nhận một số hạng mục tài định cư (Thuyết minh 17).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 1.117.396.082.702 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.256.433.157.998 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 434.988.691.786 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 292.804.911.291 VND).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 0 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2025 là 1.921.702.309 VND).

302	91,814,590	6,871,318.875
358	282,686,000	1,280,828.858
360	374,500,590	8,152,147.733
381	91,814,590	1,799,324.846
020	26,242,038	565,873.318
001	118,056,628	2,365,198.164
121	-	5,071,994.029
59	256,443,962	5,786,949.569

điều hành, Nhà máy thủy điện.

2 năm 2025 là 1.525.135.317 VND (tại ngày

5 là 417.563.105 VND (tại ngày 01 tháng 01

	31/12/2025		01/01/2025	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác				
- Công ty CP Thủy điện Cẩm Sơn	1.950.000.000		1.950.000.000	
	1.950.000.000	-	1.950.000.000	

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Xây dựng cơ bản		
- Hạng mục xử lý gia cố hạ lưu bờ trái - Nhà máy Thủy điện Khe Bô	-	2.491.092.250
- Hệ thống Rơ le - Nhà máy thủy điện Bắc Bình	4.172.303.704	-
- Hệ thống điều khiển giám sát (DCS) và hệ thống điều khiển công suất tổ máy từ xa (AGC) - Nhà máy thủy điện Bắc Bình	7.379.050.019	-
- Công trình khác	1.747.935.019	1.356.755.230
	13.299.288.742	3.847.847.480

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tại Nhà máy Thủy điện Khe Bô	24.852.887.683	-	25.222.357.290	-
Tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	3.105.525.754	-	3.105.525.754	-
	27.958.413.437	-	28.327.883.044	-

15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2025		01/01/2025	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.675.319.169	1.675.319.169	1.498.095.392	1.498.095.392
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4)	487.147.557	487.147.557	365.587.995	365.587.995
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC 2)	649.349.692	649.349.692	54.727.800	54.727.800
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (PECC1)	-	-	412.948.592	412.948.592
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	-	140.452.601	140.452.601
Công ty Truyền tải Điện 1	277.733.361	277.733.361	277.733.361	277.733.361
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc - CN TCT Điện lực miền Bắc	19.800.000	19.800.000	19.800.000	19.800.000
Công ty Điện lực Tuyên Quang - CN TCT Điện lực miền Bắc	6.518.320	6.518.320	6.518.320	6.518.320
CN TCT phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh	176.806.800	176.806.800	176.806.800	176.806.800
Công ty Điện lực Lâm Đồng	57.963.439	57.963.439	43.519.923	43.519.923
Bên khác	27.722.916.441	27.722.916.441	13.183.828.565	13.183.828.565
Công ty CP 495	501.433.589	501.433.589	580.974.101	580.974.101
Công ty CP Giải pháp Công nghệ và Năng lượng Kiên Phát	-	-	1.153.919.346	1.153.919.346
Công ty CP Công nghệ năng lượng AT	-	-	1.890.259.500	1.890.259.500
Công ty CP Dịch vụ ô tô Bình Thuận	-	-	812.964.015	812.964.015
Công ty TNHH Công nghệ Năng lượng Nam Việt	9.046.387.021	9.046.387.021	-	-
Công ty CP đầu tư và dịch vụ công nghệ	3.192.307.200	3.192.307.200	-	-
Công ty CP Tapaco Việt Nam	1.925.997.257	1.925.997.257	-	-
Các người bán khác	13.056.791.374	13.056.791.374	8.745.711.603	8.745.711.603
	29.398.235.610	29.398.235.610	14.681.923.957	14.681.923.957

16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế giá trị gia tăng	-	-	2.390.196.849	51.982.140.688	52.693.396.591	-	52.693.396.591	-	-	-	1.678.940.946	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	21.097.233.128	67.395.370.394	64.707.227.100	-	64.707.227.100	-	-	-	23.785.376.422	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	279.585.257	6.775.139.198	4.469.094.069	-	4.469.094.069	-	-	-	2.585.630.386	-
Thuế tài nguyên	-	-	3.048.276.481	69.764.691.934	68.140.183.038	-	68.140.183.038	-	-	-	4.672.785.377	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	60	60	-	34.517.869	48.152.464	-	48.152.464	-	13.634.655	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	6.622.789.000	6.622.789.000	-	6.622.789.000	-	-	-	-	-
Các khoản phí, lệ phí và phải nộp khác	-	-	4.604.223.240	22.985.257.680	21.247.858.368	-	21.247.858.368	-	-	-	6.341.622.552	-
	60	60	31.419.514.955	225.559.906.763	217.928.700.630	13.634.655	217.928.700.630	13.634.655	39.064.355.683	39.064.355.683	39.064.355.683	39.064.355.683

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.191.781	52.066.085
Chi phí di dân và tái định cư Dự án xây dựng Nhà máy Thủy điện Khe Bô	-	8.233.907.516
Chi phí phải trả khác	217.531.198	243.367.795
	225.722.979	8.529.341.396

18 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	87.687.835	84.741.079
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	82.036.654	50.853.449
Cổ tức lợi nhuận phải trả	36.308.298.585	183.068.038.707
Phải trả khác	452.019.439	560.871.837
	36.930.042.513	183.764.505.072
Trong đó: Bên liên quan (cổ tức phải trả)		
Tổng Công ty Phát điện 1 (Genco1)	-	54.687.130.400
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	-	15.836.319.800
Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd	-	44.844.644.600
Công đoàn Điện lực Việt Nam	-	4.845.541.400
Công đoàn Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	-	1.640.800
	-	120.215.277.000

19 QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Trong năm, Công ty tạm trích Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ theo Quyết định số 31/QĐ-HĐQT ngày 30/05/2025 của Hội đồng quản trị với số tiền 959.440.000 VND và trong năm đã sử dụng 334.988.344 VND. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 624.451.656 VND.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam
Tầng 2 - CT2 - 286 Nguyễn Xiển, phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội

20 VAY

	01/01/2025				31/12/2025			
	Giá trị		Số có khả năng trả nợ		Giá trị		Số có khả năng trả nợ	
	VND		VND		VND		VND	
a) Vay ngắn hạn								
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	58.760.387.751		58.760.387.751		58.760.387.751		20.000.000.000	
	58.760.387.751		58.760.387.751		58.760.387.751		20.000.000.000	
b) Vay dài hạn								
Vay dài hạn	78.760.387.751		78.760.387.751		58.760.387.751		20.000.000.000	
	78.760.387.751		78.760.387.751		58.760.387.751		20.000.000.000	
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng	(58.760.387.751)		(58.760.387.751)		(20.000.000.000)		(20.000.000.000)	
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	20.000.000.000		20.000.000.000		-		-	

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn như sau:

Vay dài hạn						VND	VND
Loại tiền	Lãi suất năm	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ							
- Hợp đồng tín dụng số 02/2015/7757730/HĐTD ngày 26/08/2015	VND Thay đổi theo thời kỳ	120 tháng	2025	Bổ sung vốn phục vụ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Thế chấp ⁽ⁱ⁾	-	19.200.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngọc Khánh Hà Nội							
- Hợp đồng tín dụng số 01.TP/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023	VND Thay đổi theo thời kỳ	29 tháng	2025	Bổ sung vốn phục vụ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Thế chấp ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	59.560.387.751
- Hợp đồng tín dụng số 02.MSB/2023/7757730/HĐTD ngày 19/07/2023	VND Thay đổi theo thời kỳ	24 tháng	2025	Bổ sung vốn phục vụ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Thế chấp ⁽ⁱ⁾	-	5.393.721.102
- Hợp đồng tín dụng số 01/2023/7757730/HĐMN-ABB-BIDV ngày 23/01/2023	VND Thay đổi theo thời kỳ	39 tháng	2026	Bổ sung vốn phục vụ Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bó	Thế chấp ⁽ⁱ⁾	20.000.000.000	15.166.666.649
							39.000.000.000
Khoản đến hạn trả trong 12 tháng						20.000.000.000	78.760.387.751
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						(20.000.000.000)	(58.760.387.751)
						-	20.000.000.000

(i) Các khoản vay từ các ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

21 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	VND		VND		VND		VND		Cộng
	VND		VND		VND		VND		
Số dư đầu năm trước	1.065.896.290.000		2.963.476.440		12.760.567.812		62.629.573.071		1.568.268.026.448
Lãi trong năm trước	-		-		-		-		212.228.175.405
Chia cổ tức bằng tiền	-		-		-		-		(362.404.738.600)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban điều hành	-		-		-		-		(14.757.173.749)
Đầu tư TSCĐ từ Quỹ đầu tư phát triển	-		-		4.067.773.186		(4.067.773.186)		-
Số dư cuối năm trước	1.065.896.290.000		2.963.476.440		16.828.340.998		58.561.799.885		1.403.334.289.504
Số dư đầu năm nay	1.065.896.290.000		2.963.476.440		16.828.340.998		58.561.799.885		1.403.334.289.504
Lãi trong năm nay	-		-		-		-		262.381.150.978
Chia cổ tức	-		-		-		-		(21.317.925.800)
Trích lập Quỹ Đầu tư phát triển	-		-		-		-		(21.317.925.800)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban điều hành	-		-		-		63.668.452.622		-
Đầu tư TSCĐ từ Quỹ đầu tư phát triển	-		-		6.139.524.241		(6.139.524.241)		(19.940.838.750)
Số dư cuối năm nay	1.065.896.290.000		2.963.476.440		22.967.865.239		116.090.728.266		1.624.456.675.932

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 08 ngày 25/04/2025, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế phát sinh năm 2024	212.228.175.405
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm 2023	196.081.687.376
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến 31/12/2024	408.309.862.781
Trích Quỹ đầu tư phát triển	63.668.452.622
Trích Quỹ thưởng Người quản lý, điều hành doanh nghiệp, Ban kiểm soát	554.310.750
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	19.386.528.000
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 1.600 VND)	170.543.406.400
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại	154.157.165.009

Trong đó, Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2024 bằng tiền mặt tỷ lệ 14% - tương ứng số tiền 149.225.480.600 VND, ngày giao dịch không hưởng quyền là ngày 20/12/2024. Số cổ tức 2% còn lại - tương ứng 21.317.925.800 VND được Công ty thanh toán trong năm 2025.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2025 VND	Tỷ lệ	01/01/2025 VND	Tỷ lệ
Tổng Công ty Phát điện 1	390.622.360.000	36,65%	390.622.360.000	36,65%
Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd	320.318.890.000	30,05%	320.318.890.000	30,05%
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	113.116.570.000	10,61%	113.116.570.000	10,61%
Công đoàn Điện lực Việt Nam	34.611.010.000	3,25%	34.611.010.000	3,25%
Các cổ đông khác	207.227.460.000	19,44%	207.227.460.000	19,44%
	1.065.896.290.000	100%	1.065.896.290.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
- Vốn góp cuối năm	1.065.896.290.000	1.065.896.290.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	183.068.038.707	29.844.759.262
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	21.317.925.800	362.404.738.600
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	21.317.925.800	362.404.738.600
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	168.077.665.922	209.181.459.155
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	168.077.665.922	209.181.459.155
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	36.308.298.585	183.068.038.707

d) Cổ phiếu

	31/12/2025	01/01/2025
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	106.589.629	106.589.629
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	106.589.629	106.589.629
- Cổ phiếu phổ thông	106.589.629	106.589.629
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	106.589.629	106.589.629
- Cổ phiếu phổ thông	106.589.629	106.589.629
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2025 VND	01/01/2025 VND
Quỹ đầu tư phát triển	116.090.728.266	58.561.799.885
	116.090.728.266	58.561.799.885

22 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUẾ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có các hợp đồng thuê đất theo hình thức Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh như sau:

STT	Tên khu đất	Văn bản pháp lý	Diện tích (m ²)	Mục đích sử dụng	Thời hạn
1	Nhà máy thủy điện Bắc Bình, thôn Suối Nhuôm, xã Sông Lũy, Lâm Đồng	Giấy chứng nhận quyền SDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Thuận cấp (nay là UBND tỉnh Lâm Đồng)	13.694,90	Xây dựng văn phòng làm việc	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 19/02/2064
2	Nhà máy thủy điện Bắc Bình, thôn Suối Nhuôm, xã Sông Lũy, Lâm Đồng	Giấy chứng nhận quyền SDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Bình Thuận cấp (nay là UBND tỉnh Lâm Đồng)	725.969,90	Xây dựng văn phòng làm việc, nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 22/02/2076
3	Nhà máy thủy điện Khe Bó, bản Tam Hương, xã Tam Quang, Nghệ An	Giấy chứng nhận quyền SDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất do UBND tỉnh Nghệ An cấp	673.497,0	Xây dựng nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 08/08/2057
4	Nhà máy thủy điện Nậm Má, xã Cao Bồ, Tuyên Quang	Giấy chứng nhận quyền SDD, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BĐ 132604 do UBND tỉnh Hà Giang cấp (nay là UBND tỉnh Tuyên Quang)	77.690,0	Xây dựng nhà máy thủy điện	Thời hạn sử dụng đến hết ngày 14/07/2058

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2025	01/01/2025
USD	-	1.620

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2025	01/01/2025
	VND	VND
Công ty CP Xuất nhập khẩu Xây dựng Âu Lạc Brother	34.568.270	34.568.270
Viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp	50.000.000	50.000.000
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3	100.438.263	100.438.263
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP	12.000.000	12.000.000
	197.006.533	197.006.533

23 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Doanh thu bán điện thương phẩm	695.687.610.135	586.228.643.980
- Nhà máy Thủy điện Nậm Má	5.452.646.941	15.730.166.598
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	124.769.696.388	111.630.538.254
- Nhà máy Thủy điện Khe Bô	565.465.266.806	458.867.939.128
Doanh thu khác	203.058.589	-
	695.890.668.724	586.228.643.980
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	695.687.610.135	586.228.643.980

24 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Giá vốn của bán điện thương phẩm	308.913.695.506	275.105.948.451
- Nhà máy Thủy điện Nậm Má	10.742.779.703	9.320.074.701
- Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	55.179.476.783	47.876.760.881
- Nhà máy Thủy điện Khe Bô	242.991.439.020	217.909.112.869
	308.913.695.506	275.105.948.451
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 35)	2.696.185.590	2.071.002.688

25 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.283.081.622	2.518.092.899
Cổ tức, lợi nhuận được chia	170.040.000	136.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	888.200	518.400
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.490.400
	3.454.009.822	2.656.601.699

26 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.902.491.257	9.531.782.341
Chi phí tài chính khác	904.146.611	1.362.547.728
	4.806.637.868	10.894.330.069

27 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	676.647.065	640.968.932
Chi phí nhân công	33.857.617.599	25.825.455.348
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	379.402.883	601.274.897
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.811.950.715	3.623.463.080
Thuế, phí và lệ phí	211.543.823	196.317.667
Chi phí dự phòng	3.852.755.916	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.875.898.788	3.896.892.206
Chi phí khác bằng tiền	12.118.355.045	9.152.905.600
	57.784.171.834	43.937.277.730

28 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2025	Năm 2024
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	354.846.223	-
Điều chỉnh lại giá nhập kho của các vật tư, phụ tùng (i)	(336.907.244)	-
Xử lý công nợ (ii)	2.325.258.177	3.132.654.280
Thu nhập từ nhập lại kho sau kiểm kê	-	3.937.071.978
Thu nhập khác	312.919.642	6.676.854
	2.656.116.798	7.076.403.112

(i) Các vật tư phụ tùng phát hiện thừa sau kiểm kê đã tạm nhập kho các năm trước, nay điều chỉnh lại giá nhập theo chứng thư thẩm định giá.

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thực hiện xử lý công nợ căn cứ theo Báo cáo đánh giá các khoản công nợ tồn đọng tại Công ty liên quan đến các nhà thầu thực hiện dự án Nhà máy thủy điện Khe Bô.

29 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền chậm nộp thuế	4.384.830	54.235.711
Các khoản khác	715.383.934	145.000.001
	719.768.764	199.235.712

30 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	329.776.521.372	265.824.856.829
Các khoản điều chỉnh tăng	7.486.249.149	2.077.803.807
- Thu lao HĐQT không trực tiếp điều hành	698.842.000	505.536.000
- Khấu hao TSCĐ của tài sản không có hóa đơn hợp lệ	1.430.382.258	613.794.380
- Các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng không đủ hồ sơ hợp lệ	2.889.831.886	-
- Các khoản không được trừ khác	2.467.193.005	958.473.427
Các khoản điều chỉnh giảm	(170.040.000)	(136.500.000)
- Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế	(170.040.000)	(136.500.000)
Thu nhập chịu thuế TNDN	337.092.730.521	267.766.160.636

Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%) **67.418.546.105** **53.553.232.127**

Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN phải nộp năm nay	(23.175.711)	43.449.296
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	21.097.233.128	9.637.979.185
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(64.707.227.100)	(42.137.427.481)

Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm **23.785.376.422** **21.097.233.128**

31 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	262.381.150.978	212.228.175.405
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	262.381.150.978	212.228.175.405
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	106.589.629	106.589.629
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.462	1.991

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

32 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	950.183.152	1.208.013.566
Chi phí nhân công	65.626.413.789	52.060.261.318
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.169.980.947	805.921.534
Chi phí khấu hao tài sản cố định	155.487.435.597	157.519.117.653
Thuế, phí và lệ phí	99.663.010.568	78.035.069.732
Chi phí dự phòng	3.852.755.916	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.422.665.103	9.447.686.230
Chi phí khác bằng tiền	31.528.261.527	19.969.996.148
	366.700.706.599	319.046.066.181

33 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	58.760.387.751	89.166.666.671

34 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

35 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Phát điện 1 (Genco1)	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông lớn
Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd	Cổ đông lớn
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Chủ sở hữu của cổ đông lớn (Genco1)
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Điện lực Lâm Đồng	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Điện lực Nghệ An - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Điện lực Tuyên Quang - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam - Công ty Thí nghiệm điện miền Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1 - Công ty thủy điện Đại Ninh	Chi nhánh của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Truyền tải điện 1	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 1 (PECC1)	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2)	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4)	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Mua bán điện	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công ty Điện lực Thành Trì- TCT Điện lực thành phố Hà Nội	Bên liên quan của cổ đông lớn (Genco1)
Công đoàn Điện lực Việt Nam	Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị
Công đoàn Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	Tổ chức chính trị xã hội của Công ty
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Bán hàng, cung cấp dịch vụ	695.687.610.135	586.228.643.980
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	690.234.963.194	570.498.477.382
Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	5.452.646.941	15.730.166.598
Mua hàng hóa, dịch vụ	2.696.185.590	2.071.002.688
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	875.739.414	906.659.086
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4 (PECC4)		338.507.403
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 2 (PECC2)	601.249.715	
Công ty Điện lực Tuyên Quang - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	12.070.963	12.070.962
Công ty Điện lực Lâm Đồng	53.669.851	57.566.036
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Nam - Công ty Thí nghiệm Điện miền Nam	70.518.227	208.821.878
Công ty Điện lực Nghệ An - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	44.940.679	-
Công ty Truyền tải điện 1	257.160.519	257.160.519
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	78.498.702	108.506.804
Chi nhánh Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty Thủy điện Đại Ninh	163.710.000	163.710.000
Công ty Công nghệ thông tin Điện lực miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	18.000.000	18.000.000
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	187.587.500	-
Công ty Điện lực Thành Trì- TCT Điện lực thành phố Hà Nội	333.040.020	-

	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Cổ tức phải trả	17.173.611.000	291.951.387.000
Tổng Công ty Phát điện điện 1 (Genco1)	7.812.447.200	132.811.602.400
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	6.406.377.800	38.459.633.800
Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd	2.262.331.400	108.908.422.600
Công đoàn Điện lực Việt Nam	692.220.200	11.767.743.400
Công đoàn Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	234.400	3.984.800
Cổ tức đã trả	137.388.888.000	171.736.110.000
Tổng Công ty Phát điện điện 1 (Genco1)	62.499.577.600	78.124.472.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	18.098.651.200	22.623.314.000
Tepco Renewable Power Singapore Pte.Ltd	51.251.022.400	64.063.778.000
Công đoàn Điện lực Việt Nam	5.537.761.600	6.922.202.000
Công đoàn Công ty CP Phát triển Điện lực Việt Nam	1.875.200	2.344.000

Thu nhập của người quản lý chủ chốt:

	Chức vụ	Năm 2025 VND	Năm 2024 VND
Ông Nguyễn Hoàng Đạo	Chủ tịch HĐQT	841.501.000	826.993.000
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	899.008.995	-
Ông Ngô Quốc Huy	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 25/04/2025) kiêm Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 31/03/2025)	230.550.528	791.900.000
Ông Nguyễn Đăng Khương	Thành viên HĐQT	139.768.400	126.384.000
Ông Đỗ Đức Hùng	Thành viên HĐQT	139.768.400	126.384.000
Ông Yoshiyuki Ueda	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Naruomi Samejima	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Trần Văn Được	Thành viên HĐQT độc lập	139.768.400	126.384.000
Ông Nguyễn Loan	Thành viên HĐQT độc lập	139.768.400	126.384.000
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của Tổng Giám đốc từ ngày 31/03/2025 đến ngày 25/04/2025)	890.999.643	705.677.000
Ông Nguyễn Tùng Phương	Phó Tổng Giám đốc	878.491.895	701.870.000
Bà Lê Mai Hạnh	Trưởng Ban Kiểm soát	108.842.000	98.916.000
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên Ban Kiểm soát	698.842.000	631.932.000
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên Ban Kiểm soát	104.826.000	94.788.000
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên Ban Kiểm soát	104.826.000	94.788.000
Ông Takashi Furuya	Thành viên Ban Kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 25/04/2025)	-	-
Ông Masahiro Yamaguchi	Thành viên Ban Kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25/04/2025)	-	-
Bà Bùi Thị Thu Trang	Kế toán trưởng	802.745.702	321.551.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

36 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY kiểm toán.



Nguyễn Hoàng Hà
Người lập biểu



Bùi Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Anh Tuấn
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2026





Công ty cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Tổng giám đốc





Nguyễn Anh Tuấn